

TÚ DÂN TẬP CHÍ

REVUE POUR TOUS

Cơ quan truyền bá văn-chương và khoa-học

MỖI TUẦN LỄ RA MỘT KỶ

TÒA SOẠN VÀ TÒA TRỊ-SỰ — Số 26, Phố Hàng Đậu, Hanoi — Téléphone n° 847



Giá mua báo ĐÔNG - PHÁP

Một năm. . .	4p.80
Sáu tháng . .	2 50
Ba tháng. . .	1 30
Mỗi số. . . .	0 10
NGOẠI QUỐC	
Một năm . . .	7p.00
Sáu tháng . .	3 50

Fondateur : H. TISSOT

Résident Supérieur honoraire

CHỦ-NHIỆM : TIẾT-KIM-BÀNG

TRỊ-SỰ KIÊM QUẢN-LÝ : TIẾT-NHƯ-NGỌC

Tarif des abonnements INDOCHINE

Un an. . . .	4p.80
Six mois. . .	2 50
Trois mois. .	1 30
Le numéro. .	0 10
HORS DE L'INDOCHINE	
Un an. . . .	7p.00
Six mois. . .	3 50

Năm thứ nhất

Số 34

MỤC LỤC

Lễ phép — Lịch-sự (Tiếp theo)

Việc thư tín ngày xưa và ngày nay

Pháp luật dân dãi — Hoàng-Việt hộ-luật

Văn dịch — Lao trung thiếu-nữ thân

Văn thơ — Chu-Bách-Lư trị gia cách ngôn

Vẽ lại thân thể ông Tú Xương bằng văn chương

Bạo qua làng khoa học — Nói về động đất

Câu chuyện nhà nông

Nuôi ong (Tiếp theo)

Gia đình giáo dục

Phụ-nữ — Lại nói về nữ quyền

Nhất thiên nhất dạ thoại — Chuyện anh thuyền chài

Thời sự

SOMMAIRE

Savoir vivre français — Politesse et civilité (suite)
Protocole — Tact — Gaffe — Snobisme

Service postale d'autrefois et d'aujourd'hui

Causerie juridique — La restitution de la dot ex-marito
A. E. Huckel (suite et fin)

Poésie française

La jeune captive — A. Chénier

Poésie annamite

L'éducation familiale C. B. Lư

Les œuvres de T. K. Xương

L'éducation de la jeunesse

Excursions à travers le pays de la science
Les tremblements de terre

Causerie agricole

Les engrais humains en Chine et au Japon

L'Apiculture (suite)

La femme moderne

Les mille et une nuits

Le pêcheur (suite)

Charades et Rébus

Nouvelles de partout

LỄ PHÉP

Lịch-sự

(Tiếp theo)

Ngày nay hầu hết các nước trong hoàn cầu điều văn-minh tân-tiến cả, vậy thì lễ-nghi phong-tục tất cũng phải đổi thay tăng tiến lên.

Ví như về thế-kỷ 19 hoặc mới trước đây ít lâu, ở bên Pháp, một người bỏ mũ để đầu trần mà vào phòng khách thì là khiếm-nhĩ. Thế mà hiện kim thời tất phải để mũ ngoài rồi mới vào. — Ngày xưa khoác tay đàn bà thì khoác ở tay trái, để cái tay phải hông gập ai còn phải chào hay là có gập con nguy cấp gì thì còn phải che trở cho người đàn bà. Nhưng ngày nay thì cái cách phòng xa ấy tựa hồ như nệ quá.

Ngày xưa thì chả có anh chàng nào đi nhẩy đầm giám không đeo bao tay, hay là giám hút thuốc lá trước mặt đàn bà.

Không cứ là phải nhất nhất cứ theo như tục lệ mới là lễ, vì những tục lệ thường thì theo thời mà thay đổi, duy có cái lễ cộ, cái cách điệu thì không bao giờ đổi được, ví dụ như cái cách-diệu bộ-giang khiêm-tốn thì còn bao giờ mà thay được. Nhưng hạng nhàng nháo không giữ lễ độ gì thì thường vẫn bị người ta chế cười.

Lại phải trọng niên-sỹ lắm nữa. Như trong bữa tiệc riêng không phải là công thì phải đặt người có tuổi trên, đừng có những hạng thốt nhiên phú quý thì mới trọng người giàu sang trẻ tuổi hơn cụ già đại khái như lập hội chưa bầu được trị sự thì phải cử người nào hơn tuổi nhất làm trưởng ban.

Đây chúng tôi nói qua về nghi-lễ.

Nghi-lễ cũng cần lắm, trong đám hội hè tế lễ công đồ nhiều sự mất lòng và tranh cạnh lắm!

Nghi-lễ tất phải có học mới biết, chứ không thể đoán phỏng được. Nhưng trong việc tư thì không nên lạm dụng nghi-lễ công làm gì.

Trong đám tiệc tư, đặt ngồi trên dưới tất phải khéo, phải biết phân biệt phẩm giá các vị khách và lại phải biết tùy liệu chằm chước. Cũng phải giữ

cho đứng mực thì mới khỏi phật ý khách. Vậy thì cái nghi-lễ tư gia chỉ là cách biết ăn ở khéo dấy thôi. Nhà nào cũng phải biết lễ, từ nhà tầm thường, nhà thợ thuyền, cho chí nhà giàu có.

Giấu mình xuất thân bản tiện đến đâu nữa, mà lúc khá giả, lại vong bản, lấy thế tầm sấu hổ thì thực là khờ dại quá. Bỏ mẹ có làm thợ, làm thuyền cày sấu, cuốc bẫm chẳng nữa cũng chẳng sao và cũng chẳng lỗi gì tại mình. Nhưng đến đời mình được phú quý cũng không nên nhắc lại cái căn nguyên của mình mà tự-tôn tự-đại làm gì. Nếu mình vốn nhà giòng giới cũng chẳng nên khoa thị luôn mồm rằng đời ông mình giàu có sang trọng, đời cha mình làm quan nhất nhị phẩm triều-đình, anh em mình thuần những Tổng-đốc, Bộ-chính, An-sát, vợ mình kim-chi ngọc-diệp, văn-vân...

Lễ phép Đại-pháp cốt cả từ cách điệu, giọng nói, việc làm. Nhưng hiện ngày nay thì cái cách điệu không có trong chương-trình giáo-dục nữa, chỉ riêng vài nhà là còn thôi.

Ngày xưa người ta giầy trẻ cả từ đi đứng, chào hỏi, nói năng. Những mực ấy là mực cốt thiết trong chương trình giáo dục. Cũng nên mong rằng ngày nay cũng cứ theo như vậy, chẳng có thì nhà nào nhà nấy phải giầy lấy trẻ cho đủ.

Những cách điệu có phải là cách nào cũng đẹp cũng nhã cả đâu, nhiều cái bộ phũ-phàng, giáng đi nghiêng ngả siêu vẹo như người say rượu, đụng chạm cả người đi đường;

Cũng có điệu thì vụng về, cầm can (canne) giới cả can, chào ngượng nhịu, ngồi trái hướng, giờ ra bắt tay không phải lúc, nghênh ngang vào phòng khách đụng chạm đồ cả bàn ghế đồ đạc;

Lại còn các cậu thiếu-niên chỉ chăm chăm về sự chải chuốt, tưởng là mình diện đã vào nhòng đề

làm « mốt », vừa đi vừa vuốt nếp quần cho khỏi thùng đầu gối, bỗng dưng cũng thò tay vào túi rút mù-soa (mouchoir) khoe ra đều a có mù-soa đẹp và sự nước hoa thơm ;

Những bộ tịch vênh váo kiêu căng, khiến cho người ta biết là « mới nổi »

Những giáng giập quá đáng, như bắt tay thì nắm mạnh lấy tay người ta mà lắc lắc lắc để ngả mũ chào vung gần hết một vòng tròn trước mặt ;

Nói tóm lại thì phạm tác giáng ra tý nào là rởm, là vung, là bất lịch sự tý ấy.

Thiên-hạ thường nhầm, thường ngờ rằng muốn lịch sự tất phải mặc áo hàng dă tiền, đeo cà-vat (cravates) và khăn gấp bỏ túi trên (pochettes) toàn tơ mùi cho rực rỡ trời lợi, đầu tóc để cho chon đời mũ thực mốt, chân đi giày véc-ni (vernis) bóng lộng.....

Không, không phải là cứ mặc áo dă tiền may thực khéo mới được đâu, cốt ở cách biết mặc thì hơn.

Về cách phục-sức cần phải nói nhiều mới đủ; vậy chúng tôi định đề một kỳ sau sẽ nói hết.

Nếu biết ăn mặc thì giấu mặc quần áo thường cũng ra vẻ lịch sự, mà không biết ra thì càng trang sức đến đâu (như đi nhầy đầm thay giăng đổi hình « bal costumé » ra nữa) cứ theo thời trang mà lại theo sai, thành ra quá, thì lại hóa xấu thêm mà chỉ tỏ là n trò cười.

Cái sai nhầm này chẳng cứ là nam-giới hay nữ-giới, bên nào cũng có mắc cả, nhất là hạng thanh-niên ưa mặc mùi choáng lộn, may kiểu cho lạ để được nhiều người trố nhỡn vào mình.

Ngoài cái bộ điệu, lại còn nhờ nói cũng can hệ lắm, mà văn viết tức là nhờ nói đấy.

Vậy thì ngôn-ngữ cùng văn-chương cũng là lẽ. Mục này Bản-chí đã nói trong bài « thư tín » (xem Tập-chí số 11).

Ta nên nhớ rằng biết giữ lễ cho phải, đừng có nạn ra quá, thì việc đối-phó giao-thiệp, trong gia-đình ngoài xã-hội đều được hòa hợp, phong-thái thành ra dễ chịu.

Ít lâu nay nhiều ông có con phản nản rằng : trẻ ngày nay không có lễ phép như ngày xưa, nhất là những trẻ theo tây học. Điều đó thực hư chúng tôi không giám chắc. Nhưng nếu có thực ra chẳng

nữa thì có lẽ cũng chỉ tại không biết các thói phép và không biết cách theo đấy thôi.

Nước Đại-pháp là một nước rất là lễ độ, các nước khác chẳng cần kể rõ ra đây làm gì, mà văn-minh chưa được tến bộ thì còn cách xa.

Chúng ta nên biết rằng phải có lễ phép mới văn-minh hơn được, mới có tình hòa-hiếu, mới khỏi vị kỷ.

Cách biết cư sử, chúng tôi đã vẫn thường nói đến, thực là một nét rất quý khiến cho người ta biết xét đoán được điều hay điều dở, biết việc nên làm, việc không nên làm, điều nào nên nói hay không. Một người mà không biết cư sử thì thường làm cho người ta mất lòng, làm nhiều điều trướng, sai nhầm luôn mà mình vẫn vô tình không hiểu.

Sự nhầm lẫn có hại cho cách giao thiệp. Ta phải nên giữ gìn cẩn thận luôn thì mới tránh khỏi được.

Đại khái như : trước một người có tính vụ-đắc mà mình bỉ báng cái tính ấy đi, — đối với một người bị vợ ngoại tình mà mình cứ khơi những chuyện ấy ra, — trước mặt người yếu nặng mà mình bàn những chuyện chết, vãn vãn..., đều là vô ý cả.

Đa ngôn đa quả, ta muốn cho khỏi nhầm lẫn thì không gì bằng nếu việc không cần, thì không bao giờ nên nói chuyện mình, kể chuyện gia-tình, hoặc công việc riêng.

Lại có một cách nữa là lễ phép đừng có thái quá. Đã đành rằng lễ phép thì vô cùng, nhưng cũng đừng câu nệ. Ta phải ăn ở cho tử-tế, cho khiêm-tốn thì đã cố nhiên rồi nhưng đừng có quá. Nếu câu nệ quá thì lại thành ra sai ra bậy. Ví dụ như người trên đã bảo mình ngồi mà mình cứ không giám ngồi thế là khiêm lễ. Người trên đã nói thì mình phải nghe nhờ (1)

Có độ lượng cũng bớt được sự nhầm lẫn. Một người tốt không bao giờ nói sai. Còn những kẻ ganh tỵ, ghen ghét, tham lam mà lại toan bình phẩm người khác thì bao giờ cũng sai nhầm.

Nhất là những kẻ học làm sang, nghĩa là chỉ thích theo thời, thì cái lễ phép ấy chỉ là lễ đại, lễ nổi mà thôi.

Nay chúng tôi xin hãy tạm đình về mục này.

L. V.

(1) Cung kính bất như tông mệnh 恭敬不如從命

VIỆC THƯ TÍN NGÀY XƯA VÀ NGÀY NAY

Cách đây năm mươi năm sự giao thông không được tiện lợi là vì đường sá chưa mở mang và lại tình hình trong nước không được yên ổn, người tỉnh này sang tỉnh khác cũng sợ những sự nguy hiểm giặc đường cho nên có câu ca giao:

Thương anh em cũng muốn vô

Sợ chuông nhà Hồ sợ phá Tam-giang (1)

Đường sá giao thông đã không được tiện lợi thì sự thông tin tức và thư tín lại càng khó khăn mà đến việc công văn của nhà nước cũng có phần chậm chễ xem ngay khi xưa một bức công văn từ Huế ra Bắc mau lắm là cũng phải hơn ba ngày.

Nhân nói đến công văn, chúng tôi xin sét xem cách chạy giấy khi xưa ở nước ta thế nào.

Nhà Lý vua Thái-Tôn (1028) định chia đường quan lộ ra từng cung một, mỗi một cung lại đặt một nhà trạm, gọi là cung dịch hay là trạm dịch. Đặt nhà trạm là cốt cho tiện việc chạy công văn và các giấy tờ từ kinh-thành ra các tỉnh. Từ nhà Lý về sau các triều đều theo cách ấy Bản triều cũng đặt trạm dịch từ Huế vào Nam-kỳ và ra Bắc thành, Nhà trạm khi xưa thường ở vệ đường quan lộ, lợp lá, mỗi trạm có một viên Dịch-mục hay Dịch-thừa trông nom, dưới đến có lính trạm vào số độ 3, 4 người lính trạm, trong số ấy lúc nào cũng phải có ít ra 2 người túc trực ở trạm, phòng có việc giấy má cần kíp. Những viên chức nhà trạm cùng lính trạm đều thuộc quyền Bộ Binh trông nom và các tỉnh thì nha Án-sát-sứ phải giữ việc phát lương cùng giao công văn. Lương tháng của họ cũng như lính ở các cơ và cũng được trừ tất cả phu phen tạp dịch. Công văn của nhà nước khi xưa lúc đem đi thường đựng vào trong những ống tre to gọi là « ống công văn » hai đầu đều buộc giây, gấn giữa thông và đóng giấu kỹ lưỡng. Những lính trạm không những chạy công văn thư tín lại còn phải mang hòm siêng cùng khiêng cáng

khiêng vồng cho các quan to hoặc từ Huế chảy ra Bắc, hoặc từ Bắc về Kinh, cách dừng trạm đi như thế khi xưa gọi là do dịch. Ngoài những việc ấy lính trạm lại còn nữa năm mang những đồ tiến của các tỉnh (như gạo tỉnh Bắc, chuối tỉnh Nam, chim-sâm cầm hồ Tây, cam Giàng và mía Triệu-tường tỉnh Thanh vân vân.....) để đệ về kinh. Lính trạm khi xưa ăi mặc như người thường chỉ khác là có đeo rên vai hoặc mấn cái nhạc, hay mấn cái chuông con để làm hiệu đề khi đi đường, người đi đường biết là lính trạm của nhà nước chánh ra. Lính trạm thường đi bộ, có khi việc quan cần kíp phải dùng đến ngựa. Người lính trạm cưỡi ngựa muốn cho kẻ khác tránh mình và khỏi sự ngăn trở thì tay cầm một nắm lông gà hay là một cái que củi cháy dở để làm hiệu (tục gọi hòn than, lông gà) vì thế cho nên trong những tờ trát và thẻ bài của các quan, khi có việc gì cần kíp thường thấy phê hai chữ « hỏa tốc » có lẽ là nghĩa ấy. Những lính trạm của các quan tướng đi chinh phạt xa, có tin báo tiếp (báo đánh được giặc) thì tay cầm cờ đỏ mà đi báo tin ấy về kinh. Lính trạm mang thư cùng công văn cũng phải có kỳ hạn, đại khái gấp những công việc cần thì phải đi gấp, như từ kinh-thành Huế ra Bắc phải đi ngày đêm trong ba hôm, việc không cần trong 6 hôm, và đi lâu lắm cũng không được quá 12 hôm.

Công việc chạy công văn thư tín khi xưa kể sắp đặt tuy chưa được tề chỉnh nhưng đối với nhà nước rất quan hệ. Điều thứ 211 luật Binh cũ định rằng: « Phàm lính trạm chạy công văn, mà trễ chậm, phải 20 roi, mỗi chậm ba khắc canh gia tội một bậc, tội chỉ đến 50 roi. Nát rách một giác (một gọc) phong bì ngoài, mà không động đến nguyên phong, thì phải 20 roi, mỗi ba giác gia tội một bậc, tội chỉ đến trượng 60. Làm hư nát một giác công văn, mà không động đến nguyên phong, thì phải 40 roi, mỗi giác gia tội một bậc, tội chỉ đến trượng 80. Nhược bằng giấu mất công văn, hay là sé ra một giác nguyên phong, thì phải trượng 60, mỗi một giác gia tội một bậc, tội chỉ đến trượng 100. Công văn việc quân tình cơ mật thì bắt tội nặng hơn ».

(1) Chuông nhà Hồ và phá Tam-giang. Đường bộ vào Trung-Kỳ có chuông nhà Hồ là một khu rừng rậm lắm kẻ cướp. Đường thủy có sông to ở Tam-giang rất nguy hiểm. Về sau quan Nội-Tân là Nguyễn-khoa-Đặng về bắc chiểu, phá được hai cái nguy hiểm ấy cho dân.

Lại những điều 216, 217 luật Binh cũ định về việc chạy thư như sau đây :

« Phàm những giấy tờ báo gấp việc quân tình, mà cố ý không cho trạm chạy, thì phải trưng 100, vì thế mà hỏng nhờ việc quân cơ, thì phải trăm giam hậu ».

« Phàm việc quan, có những người hay là của đồ các thứ nên phải đem đi, mà để chậm lại, thì mỗi một ngày phải 20 roi, tội chỉ đến 50 roi (các việc quân nhu thì khác) ».

Cứ xem những điều luật trên đây thì ta tưởng khi xưa trạm dịch chạy thư chắc là hoàn bị lắm, nhưng xét ra không tiện lắm và lại có phần trạm chễ. Lại còn một điều tưởng cũng nên nói qua, là những lính trạm khi xưa ý mình mang công-vấn của nhà nước, đi ngoài đường nghênh ngang làm lắm sự ngang tai, trường mắt, hoặc vào nhà trọ làm ầm ỹ, hoặc vào xóm làng bắt chức dịch cung ứng, qua đồ thì hống hách với con bọn dò ngang, cho nên nghe các cụ kể truyền lại hề chỗ dân dân thấy nói đến lính trạm là đã có ý lo canh cánh trong lòng. Những các nhà đương chức hồi ấy tuy cũng biết nung tẽ tục mà cũng phải làm ngơ, xem như thế thì sao gọi là hoàn toàn được.

Từ ngày nước Pháp đặt cuộc bảo-hộ mở mang đường sá ở các xứ trong cõi Đông-Pháp, sự giao thông tiện lợi là vì trên bộ có đường xe hỏa, xe hơi, dưới nước có tàu thủy cho nên việc thư tín rất là nuana tróng, xem như một bức thư gửi tỉnh nọ sang tỉnh kia, có thể ngay hôm trước ngày hôm sau là nhận được. Thế là chưa kể những sự thông tin tức bằng điện tín và điện thoại.

Nhà Bru-chính ngày nay đặt ra những nhà giấy thép ở các tỉnh lỵ và những chỗ đồn ải quan trọng để tiện việc thông tin tức. Lại còn nghĩ đến những chỗ thôn quê phần nhiều xa tỉnh lỵ. Năm 1906 cũng lại theo cách cũ thử đặt các nhà trạm ở cạnh phu huyện, và các ga xe hỏa. Đến năm 1911 thì đặt hạn. Những nhà trạm mới này cũng có người dịch-mục như trước và có lính trạm để đem thư vào các làng. Vì cách dùng nhà trạm nay khéo tổ chức nên những chỗ xa xôi đến đâu, giầu là sơn cùng thủy tận cũng có thể

thông được tin tức.

Ta hãy xem qua cái bản thống kê vắn tắt của nhà Bru-chính sau đây thì đủ biết rằng có tiến bộ :

Năm 1907 số thư tín chuyên giao được	73.968
Năm 1914 số ấy tăng lên.....	424.416
đến năm 1923 lại tăng lên.....	2.251.052

Cứ số mục trên này mà xét thì nhà Bru-chính không lúc nào là không chịu để tâm đến việc làm cho việc thông tin tức được nhanh chóng.

Ngoài cách gửi thư thông tin ngày nay, lại còn sự gửi hàng hóa, tiền bạc, đồ vật hoặc tùy theo ý mình muốn trả tiền ngay hay lĩnh hóa giao ngân cũng được. Bru-phí không mất mấy mà nhà Bru-chính chịu hết chách nhiệm.

Hai cách thông tin mà đem so sánh với nhau thì cách chạy trạm của ta khi xưa đối với cách gửi thư ngày nay thật là khác nhau xa lắm. Ngày xưa mà muốn đem tin tức cho ai ở chỗ nhà quê xa, trạm không đi đến, cứ phải nhẫn nại có khi tin tức hàng năm mới đến, mà nhờ bất hạnh người mang tin kia mệnh một ở giọc đường thì tin tức bao giờ biết được. Bởi vậy nên ngày trước những người phải việc vương-kỳ, như lính thú, các quan đi sứ nước Tàu không biết tin tức vào đâu mà nông nổi cha mẹ vợ con của những kẻ « nghìn dặm quan sơn » ấy, đối với cảnh biệt ly thật không sao tả hết, cho nên thơ sứ-trình có câu :

Ái bắc ngày trông tin nhận vắng
thật là một cái khổ tâm tả ra bằng nhời văn vậy.

Ngày nay dầu người đi xa đến đâu cũng thông tin được, chỉ cần biết viết, viết thư rồi bỏ vào phong bì, để chỗ ở cẩn thận, dán con niêm (timbre) đem bỏ thùng nhà giấy thép hay nhà trạm là tin kia đưa đến tận nhà, người thân nhân có thể biết đi đến đâu, những nỗi giọc đường, công việc làm ầu thế nào, v.v... thật là tiện lợi biết là dưới g nao. ấy cũng một cách thông tin mà khi xưa với ngày nay khác nhau là thế, có phải là nhờ ở sự mở mang tiến hóa không ?

PHÁP LUẬT DÂN DẠI

Causerie juridique

Droit civil annamite

La restitution de la dot *ex marito* est elle obligatoire en cas de rupture de fiançailles et en cas de divorce ?

(Suite)

Après avoir ainsi montré que les cadeaux de nocces (1) ne doivent être rendus (au double) au fiancé que s'il y a eu désistement du côté de la fiancée, suivi de nouvelles fiançailles et mariage de celle-ci avec un tiers, il nous reste à voir ce qui se passe à ce point de vue en cas de divorce.

Le Lê ký rapporte que : « Lorsqu'un prince répudiait son épouse, elle voyageait comme femme du prince, et les officiers qui l'accompagnaient à son clan mettaient dehors et rendaient les vases et autres ustensiles que la femme avait apportés ; les officiers du palais de son père les recevaient. »

Le code des Tsing (art. 115) exige qu'en cas de répudiation consensuelle les vêtements, ornements et autres biens dotaux que la femme possédait lui soient rendus en présence d'un arbitre.

En est-il de même en droit annamite.

Le code de Gia-long est muet sur ce point. Nous ne pouvons que raisonner par analogie :

Le décret II joint à l'article 76 du code de Gia-long s'exprime ainsi : « Si la veuve change d'état par mariage, les biens provenant de la famille du premier époux, et les bijoux et objets de toilette de cette origine seront rendus à la famille du premier époux pour en faire sa propriété »

Le décret II précité joint à l'article 108 dit d'autre

(1) La Cour d'appel de Saigon a jugé le 3 janvier 1896 que « les cadeaux de nocces consistant en choses fongibles telles que feuilles de bétel, noix d'arec, pots d'alcool, de riz, porc riz guan, qui ont été consommés au cours des cérémonies préparatoires du mariage, ne peuvent être l'objet d'une restitution par le père de la femme lorsque le mariage vient à manquer. Mais il n'en est pas de même des bijoux lorsque la future prend la fuite avant la cérémonie du mariage. »

Hoàng-Việt hộ luật

Ly-dị hoặc đã ăn hỏi rồi mà không cho cưới thì luật có bắt nhà gái phải giả của nhà gái không ?

(Tiếp theo)

Nay đã nói rõ rằng chỉ có khi nào đã định hôn rồi mà bên nhà gái lại lật, lại cho ăn hỏi rồi gả con gái cho người khác thì nhà gái mới phải giả của (1) cho nhà trai (bội nhĩ). Vậy thì cần phải biết rằng ly dị thì phải những thế nào.

Sách Lễ-ký 禮記 nói rằng : « Như một vị Hoàng-tử mà bỏ vợ, khi người vợ ấy về cũng vẫn được đi theo lễ la vợ một ông hoàng. Các quan tiền tống về nhà, sắp những bình, những hộp và tất cả các đồ vật gì mà người ấy đã mang lại khi trước, để cả ra ngoài để giả lại, rồi người bên nhà gái nhận lấy. »

Luật nhà Thanh 清 (điều 115) nói rằng : « Nếu hai bên thuận tình bỏ nhau, thì bao nhiêu quần áo và các đồ trang sức cùng của hồi môn của người vợ, phải giả cả lại cho người vợ trước mặt người chứng thực. »

Luật Hoàng-Việt có như thế không ? Trong luật Gia-Long không nói gì về điều ấy. Ta chỉ lấy tương tự mà luận được thôi :

Chỉ dụ II bổ khuyết điều 76 trong luật Gia-Long có nói rằng : « ... Nếu một người đàn-bà hóa đi cải giá, thì bao nhiêu của chồng cũ, và tất cả đồ nữ trang và y-phục về đời chồng ấy phải giả lại cả cho nhà chồng cũ nhận lấy làm của riêng. »

(1) Tòa Thương-thẩm Saigon, ngày 3 Janvier 1896 có sử một cái án rằng : « Những lễ chín như là : dầu lá, cau quả, rượu, gạo, lợn, sô là những thực phẩm đã ăn uống ngay ngày lễ hỏi, thì rồi sau có không có cưới nhà gái cũng không phải giả lại. Nhưng còn đồ nữ-trang, mà nếu trước ngày cưới cô dâu trốn đi mất, thì không sử một lối như thế được. »

part qu'en cas de disparition de l'époux depuis trois ans, la femme peut l'abandonner pour contracter un autre mariage ; *les cadeaux rituels ne sont pas rendus.*

La restitution de la dot *ex marito* apparaît ici encore subordonnée à la faute de la femme ou de sa famille, car le ren ar age en est une pour la veuve moralement sont au moins, puisque en principe, d'après les traditions, elle doit sa vie durant honorer la mémoire de son mari, conserver son nom, faire célébrer son culte et invoquer ses ancêtres.

Nous admettrons donc qu'en matière de divorce la femme, quand le divorce a été prononcé à ses torts par le tribunal, c'est à dire quand elle a commis des fautes, doit rendre au mari le *tiền cưới* et aussi les autres cadeaux de nocces (à l'exception des choses fongibles consommées). Elle ne saurait emporter que la dot *urore* c'est à dire ses biens propres (en particulier les bijoux) qu'elle a apportés lors du mariage dans la maison de son époux.

Ceci n'est d'ailleurs que l'application du principe que : « L'époux contre lequel est prononcé le divorce perd tous les avantages légaux ou conventionnels qu'il tenait de l'autre époux, soit à l'occasion, soit depuis le mariage. »

Nous sommes contraint de constater que les conclusions auxquels nous sommes ainsi arrivé par l'étude des textes ne sont pas conformes à celles de la Cour d'appel de Saigon.

Celle-ci dans un arrêt du 18 Octobre 1894 a jugé que « les cadeaux de nocces (*xinh ngh*) sont considérés, non comme une avance qui puisse être réclamée en cas de rupture de l'union projetée ou de dissolution du lien conjugal, mais plutôt comme un don volontaire irrévocablement acquis à la fiancée. »

Un autre arrêt du 16 juillet 1896 confirme le premier : « Après la dissolution du mariage la femme n'est pas tenue de restituer les bijoux, de même que les choses fongibles consommées en commun par la famille. Les bijoux sont devenus sa propriété à titre de don manuel, volontaire, irrévocable. »

Cũng một chỉ dụ II ấy, bỏ khuyết điều 108 thì lại nói rằng : « Nếu người chồng đi mất đã ba năm thì người vợ có thể bỏ đi lấy chồng khác ; mà các đồ *xinh lễ* không phải trả lại ».

Cứ xem như đây thì việc trả của nhà chồng tất gio là vì người vợ hoặc bên nhà vợ có lỗi thì phải trả, như cái giá thể là lỗi ở người đàn-bà hóa ấy rồi. vì theo về luân thường và cho phải đạo, chính lẽ ra thì người đàn bà hóa chồng phải ở trọn đời thờ chồng đội mãi cái tên chồng và phụng sự tổ tiên nhà chồng.

Vậy thì chúng tôi luận rằng trong việc ly-dị, nếu tòa án kết cho người vợ thua, nghĩa là người vợ có lỗi gì, thì phải trả lại cho chồng cái tiền cưới và các đồ *giần lễ* (trừ lễ chín đã ăn rồi thì thôi). Người vợ ấy chỉ được đem ra những đồ tư trang nghĩa là của riêng mình (nhất là hoa hột vòng xuyên) mà đã mang về hồi-môn khi cưới.

Điều này chẳng qua cũng chỉ là chiếu theo cá mục rằng : « Trong án ly-dị mà đã kết bên nào thua thì bên ấy mất tất cả lợi quyền chính hoặc lợi quyền mà hai bên đã đoan kết với nhau nhân về có gì hay là ngay từ lúc mới cưới. »

Chúng tôi cũng tự nhận rằng những điều kết luận trên này là gio kê cứu các điều luật mà luận, chứ không phù hợp với các vụ tòa Thượng-Thẩm Saigon đã xét xử.

Chiếu theo nghị-định ngày 18 Octobre 1894 tòa Thượng-Thẩm Saigon đã xử rằng : « Những lễ cưới (*xinh ngh* 聘儀) không kể là cái của đã xuất ra trước mà đến khi, hoặc không thành hôn, hoặc lấy nhau rồi bỏ nhau, còn đồ lại được nửa ; phải kể là cái của tình nguyện đưa cho tức là về năn của người con gái rồi. »

Lại ngày 16 Juillet 1896 lại xử một việc nữa nghị định y như cái nghị trước :

« *Lieu hôn* cưới rồi, bên gái không phải trả lại những đồ nữ-trang và cả các lễ chín là cỗ hai họ đã cùng ăn với nhau. Những đồ nữ-trang đã là của người vợ rồi vì đồ ấy là *xinh-tài* tự ý *giần*

Un jugement du 8 Décembre 1898 du tribunal de Vinh Long a précisé que les cadeaux de nocces doivent rester à la femme alors même que le divorce aura été prononcé *contre elle*.

Nous soumettons cette intéressante question à nos lecteurs dont nous publierons bien volontiers les communications à ce sujet, avec l'espoir qu'elles contribueront à éclaircir ce point de droit.

Quoique le dot *ex marito* ait été pratiquée jadis en Europe et notamment sous Justinien (527-565) sous le nom de *donatio ante nuptias* concurremment avec le dot *uxore*, elle étonne aujourd'hui l'Européen habitué à recevoir une dot des parents de sa future. C'est cet état d'esprit qu'a dépeint Gérard de Nerval dans son *Voyage en Orient* (1848-1850) où il nous met en particulier au courant des avances que lui fit une famille indigène (égyptienne) pour le décider à épouser la jeune fille de la maison ; son interprète revint à temps pour l'en empêcher :

— « Je m'étais bien douté qu'on profiterait de mon absence pour vous faire faire quelque sottise. Je connais la famille. Vous êtes vous inquiète de la dot ? »

« — Oh ! peu m'importe ; je sais qu'ici ce doit être peu de chose. »

« — On parle de 20.000 piastres. »

« — Eh bien ! c'est toujours cela ! »

« — Comment donc ? mais c'est vous qui devez les payer. »

« — Ah ! c'est bien différent. Ainsi il faut que j'apporte une dot, au lieu d'en recevoir une ? »

« — Naturellement Ignorez vous que c'est l'usage ici ? »

« — Comme on me parlait d'un mariage à l'européenne... »

« — Le mariage, oui ; mais la dot se paye toujours. C'est un petit dédommagement pour la famille... »

A.E. HUCKEL

cho thì không còn nói đi nói lại gì được nữa.»

Tòa án ở Vinh-Long, ngày 8 Décembre 1898 có sử một cái án nói rõ rằng : những đồ giã cưới, dù việc li-dị mà người vợ có trái nữa, thì người vợ cũng vẫn được giữ.

Chúng tôi hiến các độc-giả cái vấn-đề hay này để các Ngài ai có ý kiến gì, hay là hỏi han gì thì Bản-chi cũng vui lòng đăng lên cả, cốt ý là muốn cho được rõ thêm về mục luật này.

Tuy rằng cổ xưa, ở bên Âu-châu nhất là về đời vua Justinien (527-565) bên giai cũng có giã tiền cưới gọi là tiền xinh-nghi xinh-lễ, cho cân với tiền hồi-môn, nhưng ngày nay người Âu-châu cũng lấy tục ấy làm lạ vì đã quen nhận được của bố mẹ vợ cho.

Ấy cũng vì thế nên nhà Thi-sĩ Gérard de Nerval đã làm quyển sách « Đông-Du » (1848-1850) trong ấy có tả rõ một đoạn đề ta được biết cái tục phải ứng ra trước mà một nhà ở bên Hy-lạp đã có dụ ông lấy người con gái nhỏ nhà ấy, đến sau người thông-ngôn cho ông vừa về kịp mới can ông đừng lấy, và bảo ông rằng :

« — Tôi đã biết trước rằng nhân tôi đi vắng thì thế nào họ cũng sui bậy ông. ; Tôi biết nhà này mà. — Ông có nghĩ đến tiền cưới chưa ? »

« — Ô ! can chi cái đó ; tôi chắc rằng ở đây cũng chẳng có là mấy. »

« — Người ta đương nói những hai vạn bạc đấy. »

« — Ừ ! Cứ thế à ! »

« — Chớ sao ? Nhưng tiền cưới ấy là tiền ông phải chịu đấy. »

« — A ! Thế thì khác lắm nhỉ. Thế ra tôi lại phải mất tiền cưới chứ không phải được tiền về à ? »

« — Có nhiên rồi. Ông không hiểu thế là tục ở đây, đấy ư ? »

« — Tôi thấy người ta bảo tôi là cưới theo tục tây mà ... »

« — Phải rồi, cưới thì đã đành ; nhưng phải mất tiền cưới chứ thế là đề đở thiệt cho nhà gái... »





LA JEUNE CAPTIVE

« L'épi naissant mûrit, de la faux respecté ;
Sans crainte du pressoir, le pampre tout l'été
Boit les doux présents de l'aurore ;
Et moi, comme lui belle et jeune comme lui,
Quoi que l'heure présente ait de trouble et d'ennui,
Je ne veux point mourir encore.

« Qu'un stoïque aux yeux secs vole embrasser la [mort,
Moi, je pleure et j'espère ; au noir souffle du nord
Je plie et relève ma tête.
S'il est des jours amers, il en est de si doux ;
Hélas ! quel miel jamais n'a laissé de dégoûts ?
Quelle mer n'a point de tempête ?

« L'illusion féconde habite dans mon sein.
D'une prison sur moi les murs pèsent en vain,
J'ai les ailes de l'espérance ;
Échappée aux réseaux de l'oiseleur cruel,
Plus vive, plus heureuse, aux campagnes du ciel
Philomèle chante et s'élance.

« Est-ce à moi de mourir ? Tranquille je m'endors
Et tranquille je veille, et ma veille aux remords
Ni mon sommeil ne sont en proie.
Ma bienvenue au jour me rit dans tous les yeux ;
Sur des fronts abattus mon aspect dans ces lieux
Ranime presque de la joie.

« Mon beau voyage encore est si loin de sa fin !
Je pars, et des ormeaux qui bordent le chemin

Lao trung Thiếu nữ thân

Khi con-gái, khi vừa chín tới,
Giấu liềm nào nỡ hái lúa non,
Nho kia đương lúc còn con,
Sợ chi phải ép khi còn đương tơ.
Xuốt mùa đượm những mưa cùng móc,
Khác nào ta đương lúc trẻ trung,
Tuy rằng gặp buổi long đông,
Đời còn sao nỡ rất lòng cho đang.

Mặc những kẻ gan lay chẳng chuyễn,
Coi chết như một chuyễn đồ ngang,
Thương thân, ta khóc, ta than,
Trông đời, hy vọng còn chan với đời.
Gió bắc thổi, ta thời cúi tránh,
Ngọn gió qua, lại ngánh đầu lên,
Ở đời lúc đỏ, lúc đen,
Bề nào mà chẳng có phen ba đào ?

Vòng cương tỏa, ra vào chi kể !
Vuồn mơ màng góc bể chân mây,
Mặc dầu công chấn tường vây,
Tấm lòng hy vọng, khôn hay ngăn ngừa.
Chẳng khác thể sơn ca chim nọ,
Vừa thoát vòng lưới họ bủa rã,
Viu von siết nỗi vui mừng,
Thẳng trông vùn lộ, dè chừng bay cao.

Ngậm thân thế, ta sao phải chết ?
Tấm lòng này, băng tuyết vuồn trong,
Đêm ngày thức ngủ ung dung,
Đêm không hối hận, ngày không âu sầu.
Khi đi đứng, ra vào đây đó,
Người người, xem đều có lòng yêu ;
Biết bao mặt ủ, mây châu,
Thấy ta, tức khắc có chiều hân hoan.

Đường thế lộ, giậm ngàn bát ngát
Trông còn xa mù tắt chân mây,

J'ai passé les premiers à peine.
 Au banquet de la vie à peine commencé.
 Un instant seulement mes lèvres ont pressé
 La coupe en mes mains encor pleine.

« Je ne suis qu'au printemps, je veux voir la moisson;
 Et, comme le soleil, de saison en saison.

Je veux achever mon année.
 Brillante sur ma tige et l'honneur du jardin,
 Je n'ai vu luire encor que les feux du matin,
 Je veux achever ma journée.

« O mort ! tu peux attendre ; éloigne, éloigne-toi ;
 Va consoler les cœurs que la honte, l'effroi,
 Le pâle désespoir dévore.
 Pour moi, Palès encore a des asiles verts,
 Les amours des baisers, les Muses des concerts ;
 Je ne veux point mourir encore. »

A. CHÉNIER (1762-1794)

*Xin xem mục văn-thơ quyển thứ 27 chúng tôi đã kể sự tích vì
 làm sao André Chenier tiên-sinh làm ra thiên tuyệt-bút này*

VĂN THƠ

Chu-Bách-Lư trị gia cách ngôn

Trị nhà khuôn phép lắm thay,
 Họ Chu xưa có nhà thầy Bách-Lư.
 Cách-ngôn đề một bức thư
 Hằng đem dịch nghĩa theo như mọi nhời :
 Mờ mờ rở dầy trông coi,
 Hề sân giấy quét, trong ngoài nghiêm trang.
 Giời hôm đã lặn ác-vàng,
 Nghỉ ngơi thì soát kỹ càng khóa then.
 Cháo cơm, tơ vải, giữ gìn,
 Tân-cần mới được chớ nên chứt hoai.
 Chưa mưa nhà đã lợp rồi,
 Chớ chờ khi khát giếng khơi mấy đào.
 Minh ta tần tiện chẳng sao,
 Thết ai chớ ép, mời chào lưu liên.

Bên bờ, dương liễu chẳng giây,
 Ta đi mới khỏi những cây ở đầu.
 Trong tiệc tiệc, tràn hào đầy giây
 Ta mới nỡ, tiệc hãy còn nguyên ;
 Trê tay bưng chén cam tuyền,
 Hai môi mới nhấp một phen còn đầy.
 Ta mới thấy xuân hây hây gió,
 Còn muốn xem sen ngó trong ao,
 Hết sen, xem cúc, xem đào,
 Bốn mùa trải khắp, phỉ ao ước lòng.
 Trong vườn nọ, bông hồng mơn mớn,
 Chiếm hoa khôi đang rón trên cành,
 Ra đời, mới thấy bình minh,
 Lòng còn muốn được xem tranh hôn hoàng.
 Hồi Thần Chết ! hãy khoan khoan đã,
 Tránh xa ra, quấy quả ta chi !
 Trán đời bao kẻ, thiếu gì,
 Nên tìm rước nọ cùng mi về giờ.
 Ta còn có nhiều nơi du ngoạn,
 Cuốn lăm tuyền, còn vạn tân thanh,
 Ái ân còn lắm xuân tình,
 Ta còn muốn sống, ngày sanh còn giải !

TRUNG-DONG phiên dịch

Đồ dùng tinh sạch mà bền,
 Tuy rằng gạch ngói, vì xem ngọc vàng.
 Thức ăn ít ỏi kỹ càng.
 Dầu mũi sơ-thái, (1) hơn bàn chân-tu. (2)
 Chớ tham ruộng cả nhà to,
 Có chẳng giời đã định cho mình rồi.
 Chớ tin Đồng-Cốt mọi người,
 Giả hình mượn bóng làm mỗi gian giâm.
 Hầu yếu càng rẻ khuynh tâm.
 Buồng the nên tránh, vạ ngầm giữ gian.
 Hầu giai ngay thật là hơn.
 Những tuồng giáng giấp, tính gian chớ dùng.
 Lại nên nghiêm phép khuê-phòng

(1) Rau rưa (2) Đồ-tầu

Lấp đường trang điểm, ngăn rông ăn chơi.

Tồ-tôn rầu cách lâu đời,
Bốn mùa cúng tế, chớ rời lòng tin.
Dầu trong con cháu ngu hèn,
Cũng nên giậy bảo, tập rèn bút nghiên.
Giữ gìn chất phác cho bền,
Giấy con nghĩa lý, để nên thân người.
Chớ tham những của bạc tài,
Mà lòng tơ tưởng giông giải đến đâu.
Rượu ngon cũng chớ ngồi lâu
Sợ khi quá chén, dễ hầu say sưa.
Cùng người gánh đội đôi mua,
Chớ nên chen cạnh đẩy đưa tiện mình.
Bà con nghèo khó thương tình,
Lấy nhời tử-tế, giỗ giảnh giúp cho.
Khất khe mà nổi cơ đồ,
Nhẽ nào mà được hưởng cho lâu dài.
Đạo thường ăn ở đơn sai,
Tránh sao cho khỏi ác tai được nào.
Cùng trong đồng khi đồng bào,
Người thiếu thốn, kẻ giàu giàu nên chia.
Tộc tình nội ngoại đôi bề,
Cũng nên nghiêm kính, chớ nề gần sa.
Chớ nghe nói nhỏ trong nhà,
Vẹn tình cốt nhục, mới là trượng-phu.
Sinh thành đội đức cao sâu,
Bao nhiêu báo đáp dễ hầu sừng cân.
Mà lòng trọng của khinh thân,
Làm con như thế còn luân lý gì.
Gả con chớ hám của về,
Dễ hiền là quý môn-my giảng bày.
Kén dâu chớ hám của dầy,
Lấy người thực-nữ, thảo ngay làm dâu.
Thấy người phú quý siểm cầu,
Cam tâm lợm gỏi, cúi đầu sao nên.
Người kiêu là bụng nhỏ nhen,
Chẳng nên thấy kẻ khó hèn bỉ khinh.
Kiện nhau là sự chẳng lành,
Chữ chung hung đó, rành rành nên ghi.
Chuyện đời thị phi phi,
Hễ mà hay nói ắt thì hay sai.
Cũng đừng cậy thế bức ai,
Nạt người hóa-bạ, hiếp người bỏ-cời.

Miếng ăn qua miệng thời thời,
Hiếu sinh, ố-sát là người lương tâm.
Người ương khó chữa điều nhảm,
Người lười khó có thể làm cho hay.

Tay chơi mặt bọm ghê thay,
Hễ mà gần nó có ngày thêm lo.
Trọng người già cả mưu mô,
Họa khi nguy cấp còn nhờ có nơi.

Những nhời thủng thỉnh như chơi,
Biết đâu chẳng phải người khơi gợi mình.
Bởi đâu nên sự tranh giành.
Biết đâu chẳng phải tại mình mà ra.

Hăng nên nhịn, nén lòng ta,
Hăng nên ngấm nghĩ, họa là thế chẳng.
Giúp nhau là tấm lòng hăng,
Chớ quên ơn, cũng chớ hòng mong ơn.

Phàm chi ăn ở lo bàn, (1)
Điều nên chữa dặt còn toan sau này.

Chơi đâu mà thấy hay hay,
Chớ nên hay tới, ngày ngày khó coi.

Người mừng, ta cũng mừng vui,
Người lo tai nạn, ta ngùi ngùi thay.

Thiện căn sẵn ở lòng này,
Làm lành lọ phải phô bày ai chi.

Ác căn mới mọc tí ti,
Có người biết bảo, ấy thì may ta.

Gheo người là thói râm tà,
Vợ con lại mắc người ta mẹo lừa.

Tên thâm buông lúc bắt ngờ, (2)
Còn mong báo cũ, họa thừa đến sau.

Cửa nhà hòa thuận cùng nhau,
Sớm trưa khuấy khuấy, chẳng giàu cũng vui.

Thuế vua đã đủ nộp rồi,
Túi thanh phong nhẹ, thảnh thơi chừng nào.

Học hành lập chí cho cao,
Thánh Hiền thừa trước, ngấm vào thừa nay.

Việc đời mà đã đến tay,
Vi Vua vi nước nên giầy tẩm trung.

Sử trong khi đạt khi cùng,
Cứ yên phận mình, biến thông tùy giờ.

Người ta đứng ở trên đời,
Dủ ngàn ấy nết, làm người mấy nên.

(1) Phàm việc gì cũng nghĩ

(2) Là giấu mũi tên bắn người ta lúc bắt ngờ

VỀ LẠI THÂN THỂ ÔNG TÚ-XƯƠNG BẰNG VĂN CHƯƠNG

« Tú giết bằng dũa năm Giáp-Ngọ, nổi tiếng đấu trò,
« Con nhà nghề ở xã Vị-xuyên, ăn phần cổ nòng. »

TRẦN-KẾ-XƯƠNG

Trước khi tôi giới thiệu ông Trần-kế-Xương, tục gọi là ông Tú-Xương, với các độc-giả, tôi xin phép viết ra đây bài tự-tư của ông để ông tự giới thiệu lấy cho có vẻ văn tài và rõ ràng hơn.

*Ở phố hàng Thao có phỏng sành,
Mặt thì lơ lảo, mắt thì nhanh;
Vuốt râu nịnh vợ : « con bu nó »,
Quắc mắt khinh đời : « cái bộ anh » !
Bãi bạc, kiệu cờ, cao nhất sứ,
Rượu chè, giai gái, đủ tam khoan.
Thế mà vẫn tưởng rằng ta giỏi,
Cứ việc ăn chơi chẳng học hành.*

Các độc-giả nghe xong câu phú và bài thơ ấy, chắc cũng đã tưởng tượng được một ông nhà nho, có vẻ kiêu-căng, phóng túng, nét mặt thông minh, con người lồi lạc, và cũng đã tiêm tiêm biết được là ông Tú, người xã Vị-Xuyên, ngay tỉnh lỵ Nam-định, vốn con nhà danh-giá, đỗ Tú-tài « đốt bằng » năm Giáp-ngọ, lúc bấy giờ mới 18 tuổi, rất có tài văn nôm, lại nổi tiếng ăn chơi hào phóng, nhưng chẳng may, sinh trưởng vào cái xã-hội mà sự thi-cử là cái hại ngấn người tài, cho nên vì ông không đỗ được Cử-nhân, không có lối ra xuất chính, mà xoay nghề khác thì cái thói cũ sợ mất cái giá nhà nho. Thành ra ông cứ long đong lận đận mãi, và cũng như bao nhiêu ông tú khác, lẻo đẻo chiếu lều, đến tận lúc nhà nước bỏ thi mới chịu gác nghiên, gác bút. Ông buồn vì thi cử.

*Học đã sôi cơm, nhưng chưa chín,
Thi không ngậm ớt, thế mà cay.*

Khốn nạn thay ? Ông thi đến tám lần mà chẳng giạt được cái cử-nhân, không biết rằng tại tài, hay là tại phận, chính ông có lúc cũng cho là :

« Học tài, thi phận, miệng đàn bà con trẻ nói vậy mà thiêng. »

Song có nhẽ vì cái không may nó làm cho ông thất vọng bao lần, thậm chí đến ông cũng phải nghi cái tài ông mà nói rằng :

*Rõ thật nôm hay, mà chữ giết,
nhưng ông cũng biết :*

Tài Bảng-nhân, Thám-hoà, nhờ ra cũng hồng.
Nhưng cứ ý người viết bài này thì cái lận đận của ông Tú-Xương có nhẽ chỉ tại cái tính ngồng của ông không ưa theo quy củ cho nên :

Tám khoa chưa khỏi phạm trường quy.

Thôi râu sao thì sự cũng rồi, ông Tú ngày nay đã ra người thiên cổ, ta cũng chẳng phải vì ông mà than phiền hộ, ta chỉ nên biết rằng có nhẽ chính vì cái rủi ro thi cử của ông mà ngày nay quốc văn có thêm một nền văn-chương chào phúng, mới mẻ vô cùng.

Ông :

Được gần trường ốc miền Nam-định.

Nhưng : *Thua mãi anh em đám Bắc-kỳ.*

song không hề nản chí, đeo đẳng mãi đến ngày :

Nghe nói phen này sắp bỏ thi.

rồi cùng « các thầy đồ-cổ trận bút trường văn đua nhau phen nữa cũng hồng rằng :

Râu không bìa đá còn bìa miệng.
chẳng ngờ đâu,

Ai thấu chẳng ai ?

Hóng ơi là hồng ?

Lúc bấy giờ mới buồn râu :

Đệ nhất buồn là cái hồng thi.
rồi sực tỉnh :

Một việc văn chương, thôi cũng nhảm.
thất vọng mà than rằng :

Trăm năm thân thể có ra gì ?

Thôi thế là tự nay cái mơ mộng ông Cử, ông Nghè đã nguội như băng, như tuyết, ở trong lòng ông, càng ngấm càng chua cay ngấm ngấm, chỉ thổ-lộ ra cái khóe cười chua chát, rồi cái thất vọng ấy nó khiến cho ông phóng-túng, và càng sống lâu, càng thấy đời nhiều điều đáng chán,

mà lại vô vị vô cùng. Đời đã vô vị thì cũng chẳng giải gì mà bo-bo biu-biu, nên ông mới như ngần, như ngơ.

Biết chẳng hay chẳng biết gì?

hay là chỉ:

Biết ngồi nhà hát, biết đi có đầu,

Biết thuốc lá, biết chè lâu,

Cao-lâu biết vị, hồng-lâu biết mùi.

Ồi! Có phải cái thi-cử nó đã làm hại một đời thông minh đến thế du?

Ông Tú Xương lỗi lạc là thế, thông minh là thế, giả sinh trưởng ở một xã-hội văn-minh người có tài không cần phải lợi dụng cái mảnh văn bằng thi biết đâu cái tài của ông chả được cái số phận khác người, mà biết đâu chả làm ích cho dân cho nước. Nhưng ông sinh vào xã-hội Việt-Nam, bó buộc về thi-cử cho nên đến nỗi:

Sách đèn phó mặc đàn con trẻ,

Thưng dầu nhờ lưng một mẹ mày.

Ông đã bỏ cả sách, cả đèn, việc nhà giao cho bà Tú, từ đây ông giông chơi lãng-mạn, cho qua tháng, qua ngày.

Hoặc giả có người trách sao ông Tú Xương bấy giờ cứ bo bo vào khoa cử quá, và sao không soay ra tân-học như nhiều ông nhà nho trong lúc bấy giờ. Có nhẽ ông Tú Xương cũng nghĩ chán đi rồi, nhưng khổ nỗi, đã cùng chữ nho đeo đẳng, lại gặp buổi giao thời, tân-học chưa có gì là chắc chắn, là quy củ, vả chẳng dư-luận bấy giờ khác với ngày nay nhiều lắm, chả thể ông Tú Xương đã có câu:

Mơ bảo vẫn tây học khó gì,

Cấp lương cho học để đi thi.

Thôi tôi lấy nợ «sana cang»(cinquante)lấy,

Mả tổ nhà tôi thiếu bút chì.

Nhưng có nhẽ cũng không phải là ông không đủ tài học chữ tây đâu, chỉ vì cái chí-hướng bấy giờ khác lắm, chả nhẽ ông có người bạn đi thi mà ông hỏi thăm rằng:

Ông có đi thi kỳ-lục không?

Nghe ông quốc-ngữ học chưa thông.

Vì dù nhà nước cho ông đồ,

Thì lạng lương ông được mấy đồng?

Ấy cũng vì thời tuế soay đời,

Tây tự chẳng biết lấy,

Hán tự chẳng biết hán

Ông phân chi: *Thôi đi về đi cây.*

Nhưng «giải lưng tổn vải», xưa nay đã «quen ăn no lại nằm» thì đi cây sao được, cho nên ông cứ câu thơ, câu phú, giao thiệp giang-hồ, cho mãi đến lúc ông chán cái cảnh:

Sống lâu lâu để làm chi nhĩ

Sống để mà xem cuộc chuyển vần.

Ông Tú Xương mới tạ thế được ít lâu đây, hiện bây giờ bà Tú hãy còn, bạn bè biết ông xưa cũng nhiều người chưa quên cái lúc cùng ông chơi bời ở Thành-Nam làng Vị.

Lời giới thiệu của tôi đã giải quá rồi, nhưng đây cũng chỉ mới là phác họa cái thân-thể của ông Tú mà thôi.

Tôi xin lần lượt lấy văn chương của ông Tú mà vẽ lại cái đời tư (Vie individuelle) của ông, song đến cái đời của ông ở trong gia-đình cuối cùng đến cái đời của ông ở ngoài xã-hội.

* *

I. — Đời riêng của ông Tú

Từ lúc ông Tú thi hỏng, đã phân chi lắm rồi, ông muốn giao cả cửa, cả nhà cho bà vợ, mà đi

Ngày mai tớ hỏng tớ đi ngay,

Rõ tết từ nay nhờ lấy ngày.

Nhưng ông định đi đâu?:

Công-hỉ mét-si (merci) thông mọi tiếng,

Chẳng sang Tàu cũng téch sang Tây.

Ồi chưa chát thay! cay đắng thay! ông mang hai tiếng «cống-hỉ, mét-si» mà tự riêu ông, nhưng có nhẽ là ông cũng muốn riêu biết bao người có cái thói a-dua nịnh hót. Trong cái lúc buồn lo, vì thi, mà ông còn nghĩ đến những cái khốe kiểng ăn của bao người như thế, chắc trong lòng ông tê tái đi nhều, nhưng ông gượng cười cái cười đắng cay, ngao ngán.

Ông nói thế mà thôi, chứ cái buồn hỏng thi rồi cũng nguôi dần, ông lại ở nhà giấy năm ba đứa trẻ:

Thầy đồ, thầy dạy giấy học, giấy hành,

Ba quyền sách nát, dăm thặng trẻ danh.

cho qua ngày, qua tháng, chẳng quản chi:

*Cơm hai bữa, cá kho, dau muống,
Quà một chiều, khoai lang, lúa ngô.*

Chỉ miễn là khuấy khoả nổi lòng, chứ có thiết gì thi cử nữa, cho nên ông cũng vừa giấy học, vừa chơi, cho cái nghề bút nghiên là nhảm, bởi thế giấy học mà ông :

*Giấy câu Kiều lầy, giấy khúc lý kinh,
Giấy những khi xuống ngựa lên xe,
đứng ngồi phải phép,
Giấy những lúc cao-lâu chiều hát,
ăn nói cho sành.*

rồi thỉnh-thoảng ông lại :

*Đi đó, đi đây, thất điên, bát đảo,
Chơi liêu, chơi lĩnh, tứ đố tam-khoanh.*

để cho cái lòng buồn nó nguôi-nguôi đôi chút nhưng mà nếu cái buồn thi-cử nguôi đi được, cái buồn về thời thế nó vẫn vẫn-vương :

*Giời không chớp bể chẳng mưa nguồn,
Đêm nào, đêm nào tớ cũng buồn.*

Cái buồn ấy nào biết san sẻ cùng ai, họa chẳng chỉ :

*Bối rối tình duyên, cơn gió thoảng,
Nhật-nhào quang cảnh bóng giăng xuống.*

Cái tình ấy ở trong lòng ấy, bên cảnh ấy, nghĩ đến thêm lại náo-nùng cho nên lắm lúc ông muốn gác cả sự đời ra ngoài tai, ngoài mắt :

Ngủ quách sự đời thấy kẻ thù.

nhưng biết bao là điều ngaug tai, trái mắt, động đến lòng mình khác chi là :

Chùa đầu sang sáng vầu hồi chuông.

khốn cho cái lòng đã muốn nguôi như gió tàn, mà vẫn có mầm lửa đốt, thật là bận đến cái trí nhân-cư, yếm thế. Cái buồn ấy man mác trong lòng này ai biết đến, lại còn có cái buồn về thế-thái, nhân-tình bạn bè đen bạc.

Nhà cửa giao canh, nợ phải bồi ;

Tin bạn hóa ra người thất thố.

Vì ai nên nổi chịu làm vôi,

Ông Tú-Xương đã trong cái cảnh túng bấn, còn cứu dúp anh em, mà anh em lại còn đang tâm lường gạt để đến nỗi phải bồi nợ đây.

Cái lúc phong lưu giàu có, tấp-lễnh ông Cử, ông Nghè thì :

Thửa ấy chơi bởi còn quyền luyến.

đến khi sa-sút khó khăn, cái hi-vọng áo tía vong đảo đã hết :

Bây giờ đi lại giám mon men.

Cái nhân tình như thế, ai còn lạ nữa, cho nên ông Tú Xương cũng phải than rằng :

*Giàu sang, âu yếm, tình quen thuộc,
Bần tiện thờ ơ, giá bạc đen.*

Ấy cái tình cảnh đáng buồn như thế, nhưng ông Tú cũng chỉ than thở trong bài thơ, câu phú, chứ trong lòng lắm lúc vẫn phải mang cái giá mình mà làm kiêu, để mang cái khinh đời mà nén bớt nỗi đau lòng :

Ông chỉ :

Những là thương cả cho đời bạc,

chứ : *Nào có ấm đầu đến kẻ thù.*

Vả chẳng ông là người khi khái, cho nên :

Ái chơi, chơi với, chẳng cần chi.

Ông chỉ mang cái tài riêng, cái phẩm quý mà an ủi lấy lòng mình

Kìa thơ tri-kỷ đàn anh nhất,

Nợ khách phong tao, bực thứ nhì.

Ông đi đây, đi đó, tuy rằng túng bấn, đầu ở nhà thì :

Một đàn rách rưới, con như bố.

nhưng lúc ra ngoài, ở mắt người biết của :

Ăn mặc vẫn ra người thiệp thế,

mà phong lưu : *Chơi bởi cho biết bạn tương tri.*

Vì nếu trong đời, nhiều người đen bạc, nhưng biết đâu chả có mặt tri âm, nên ông chắc rằng :

Chốn này tình phụ, chốn kia yêu.

Mà thật thế :

« Bạn thầy là ông Bảng, ông Nghè, ông Hoàng, ông Thám », chứ có nhẽ đâu ai ai cũng là những hạng :

Người yêu, kẻ ghét, hay gì chứ,

Đưa trọng, thẳng khinh, chỉ vị tiền.

Cái buồn trong lòng ông Tú Xương là như thế, buồn vì thân thế, vì nhân tình, vì cảnh huống, vì giang-sơn, nhưng người xem văn ông Tú Xương thường thường chỉ thích biết ông là một người đa tình, giọng chơi, theo chủ-nghĩa khoái lạc mà thôi.

Nếu ông :

Sáng nem, bữa tối đòi ăn chả,

Nay kiệu, ngày mai lại giờ cờ.

thì đây chẳng qua cũng chỉ là những cái thường tình để khuấy khuấy đôi chút, mà như ông Tú Xương thì trừ những cái thú ca lâu, tửu quán, bầu rượu, túi thơ, cũng không còn có cái thú gì để tiêu khiển giải muộn.

Vả lại ngày xưa các cụ chơi cô đầu, con hát, thường chỉ thích câu hát tiếng đàn, doi châu, dịp phách, cho nên :

Hôm nay rồi rồi buồn tình nhĩ,

Thử xuống Hàng-Theo đập ngón châu.

Nhất là những nhà nho, lòng thơ man mác, chén rượu quỳnh tương, câu thơ bạch tuyết, dầu có lúc vui đùa mà nói :

Vì dù vua mở khoa thi trống,

Lạc nhận, xuyên tâm đủ ngón châu.

Nhưng thực ra trong lòng cũng không bao giờ quên cái công danh sự nghiệp, xã hội, gia-đình, cho nên không vì chơi bời mà mê mải, dù yêu cô Yến, cô Hồng vẫn còn biết :

Yêu nhau chả lấy được nhau nào,

Mình nghĩ làm sao, tớ nghĩ sao ?

Cái vấn-đề « nghĩ sao » ấy rồi tự ông giải quyết lấy :

Nhấn nhẹ chôn ắc tìm nơi khác,

Ta chẳng ra chi, chờ đợi chờ.

Có nhẽ cái hạnh phúc gia-đình cũng nhờ ở cái lòng không mê mải ấy mà không đến nỗi chìm đắm, cái bồn phận làm chồng không quên, cái thiên-chức làm cha không nhãng.

Cái gia-đình ông Tú Xương dẫu nghèo, nhưng có nhẽ cũng không đến nỗi bệ rạc như ta thường tưởng tượng.

Kỳ sau sẽ nói đến thân thế ông Tú Xương ở gia-đình và ở xã-hội.

(Còn nữa)

LÝ-NGUYỄN-BÁCH

Thơ đồ

LIII

Giời cho có một nên mười,
Dần dần mười chục, mới hơi là giàu.
Hàng nghìn, hàng vạn về sau,
Hóa sinh ở giữa bốn câu đố mà.
(là chữ gì ? (Hán tự)

LIV

Trơ trơ vợ lớn hơn chồng !
Xoay quanh gạo chợ nước sông muren màu.
Muốn làm nên nước trắng phau,
Rút ra thì tắc, chọc vào thì thông.
(là cái gì)

Kim-Động Giáo-học V.M.C.

Giải đáp thơ đồ trong Tạp-chí số 32

Câu LI là « đồng tiền »

Câu LII là « bắp ngô »

Tròn vuông giời đất một mình,
Đề tên niên hiệu rành-rành Đế-Vương.
Quyền riêng uy phúc trăm đường,
Thế-gian cực-phẩm, ai đương **thần tiên**.

Có cây mà chẳng có cành,
Có hai thằng bé rập-rẻnh trên cây. (phong rao)
Vũ-mạnh-Sức, Giáo-học
Kim-Động — Hưng-Yên

Hơn đời kín cạnh chịu lo toan,
Có lỗi thời tài mới đáng quan ;
Chớ cây hàng văn lên mặt chữ,
Lòng đen, vành đỏ thẹn trần gian.

Bắp ngô lắm bẹ lại nhiều râu,
Trước tưởng đem sang tự nước Tàu,
Sau xem khoa-học nhà Nông-phổ,
Ở Thổ nhĩ-kỳ chứ ở đâu ?
Tam-đông Đỗ-đình-Cung — Hưng-yên

Tiền tài lưu loát năm Châu,
Ganh đua nghề khéo thi nhau trí tài.
Vuông chòn kém cạnh chi ai,
Vênh vang vài chữ kinh vờ thần minh.

Vây bồ đề giống đã lâu,
Người Nam mà quán ở Tàu lạ chưa.
Ngày thường vẫn gọi lúa **ngô**.
Gia vàng chung giống con nhà Lạc-Dương.
Nhị-Lang Phạm-minh-Đức — Hưng-yên



Rạo qua làng khoa học

PHẦN THỨ HAI

Nói về động đất

(Tiếp theo số 30)

I. — Vỏ ngoài trái đất và động đất — Động đất có mấy hạng

Trong khoa-học, về phần địa-lý, chữ Pháp là : « *Géologie* » nguyên là hai tiếng Hy-lạp chấp lại : *Gé* nghĩa là đất, — *logos* nghĩa là nhờ bàn, có giấy rõ về mục động đất thế nào.

Nguyên từ thời mới sinh ra loài người, ở trên thế gian thì bao giờ người ta cũng phải sợ cái nạn động đất là cái thiên tai ghê gớm lắm, đã làm ra biết bao là sự khốc hại.

Cái bại về núi lửa cũng đã thấm rồi thế mà cái hại động đất lại còn ghê hơn. Ta vẫn thường cho là đất chỗ cho ta tất là vững vàng chắc chắn lắm. Con sóng ngoài biển, trận gió trên không, chẳng qua cũng chỉ là cơ tuần hoàn luôn luôn đó mà thôi. Gập gió gập bão thì cây cỏ phải lung lay, nhà cửa phải siêu đổ. Duy chỉ có đất thì vẫn đứng trơ ra đấy. Ta vẫn chắc như vậy thế mà bất thần thấy lung lay hằng cả dưới chân chúng ta thì tất ta tưởng là sụt quả địa cầu, đến ngày tận thế !

Chúng ta đã học về địa-cầu, tại làm sao mà có núi lửa, thì nay chúng ta suy ra cũng đủ hiểu động đất nguyên nhân ra thế nào.

Vốn cái vỏ ngoài trái đất, từ ngày tạo thành có được nguyên hình đâu, chẳng biết bao phen đổi rồi. Cái địa-trung-hỏa ở trong nguội đến đâu thì mới giãn lại được đến đây, mới lan rộng dần ra được. Trong lúc ấy tất phải nhăn nheo lại ; đấy chính bởi mặt đất nhăn nheo ấy mà sinh ra lỗi lóm, ngày nay chỗ lồi lên tức là những núi cao trót vót nguy nga mà chỗ lóm tức là những biển sâu vực thẳm. Nhưng sơn hải ấy đối với trái đất thì có thấm vào đâu đâu, vì như là một quả mận phơi khô nhăn nheo lại đó thôi.

Đương kim, nếu cứ lấy bề ngoài mà xét thì tất tưởng là công việc tạo hóa đến thế này là xong rồi. Tựa hồ như những cảnh biến thiên, những nổi tang thương đều là hết cả rồi, vì đã được trải qua một thời gian mà ta ngỡ là đã lâu lắm, trái đất cũng

đã được vững vàng. Nhưng kỳ thực ra, — xin hãy xem trong bài nói về núi lửa, — kể hàng mấy triệu năm một, thì cái thời gian này đã có là bao, cũng chỉ ví như chốc lát đó thôi.

Tuy nhiên trái đất cũng đã vững vàng thế nhưng có phải là đã hẳn không có thay đổi đâu. Thỉnh thoảng ở những lớp sâu sâu trong một trái đất cũng vẫn truyền vắn, nhưng cũng không mạnh cho lắm nên chỉ hơi có ảnh hưởng lên trên mặt thành ra ta thấy động đất.

Như thế thì chỉ là ở trong trái đất truyền vắn hay long lở chi đấy nên mới truyền từ trong ra đến ngoài.

Những cái động đất như vậy thì chia ra làm ba hạng.

Động thẳng nghĩa là ngay từ dưới lên trên ;

Động ngang, tựa hồ như ta bị xô đẩy nghiêng về một bên ;

Động rung, nghĩa là rung rung như thủy ba xô vào đây ra.

Động thẳng thì dễ biết. Năm 1783 thành phố Calabre (Ý-đại-Lợi) bị phải, thì thấy nhà cửa tung lên như bị đánh cốt-min.

Năm 1797 (*séisme de 1797*) phá hoại thành phố Rio-Bamba ở gần đường xích-đạo (*Amérique centrale*) Trung-Mỹ-Châu. Những người ở thành phố ấy bị bắn ra khỏi nhà. Đến sau tìm được thấy những người bị nạn trên cái đồi cao 100 thước ở tận bên kia sông chảy qua thành phố ấy !

Năm 1837, ở pháo-dài tại San-Carlos (Hao-kỳ) có một cái cột chôn sâu xuống đất 10 thước lại có những giây sắt neo thực chắc, mà cũng bị bật phọt lên rất cao.

Nhưng sợ nhất, hại nhất là cái động đất chiều ngang. Tự nhiên thấy mặt đất lung lay như sóng gợn, như nước bề đầy giấy, cây cối nghiêng rạp xuống tận mặt đất rồi lại ngửa phăng lên, cả

một đại sơn lâm đồ rập rồi lại đứng dựng cả lên. Giấu can đảm đến đâu cũng phải khiếp sợ. Xin hãy xem bản trích lục cái dy thư của một người mục kích trận động đất năm 1896 ở nước Phổ và nước Áo đăng sau đây thì đủ rõ.

« Những người trong lâu đài bỗng nhiên nghe thấy dưới đất động âm âm như sấm giã mà hoảng hốt thục cả; tức thời cái lâu đài ấy bị đưa như một chiếc tàu đi ngoài biển bị sóng cả.

Lại có một người nữa cũng được mục kích trận động đất ở Thổ-nhĩ-kỳ; ít ngày sau, có vết thư cho một ông bạn rằng :

« Cái nhà chúng tôi ở, đưa như đưa văng, cho

đến nỗi chúng tôi đương vịn cầu thang mà phải bám rúi vào tường rồi chúng tôi chạy ra vườn để tìm nơi ẩn thân mà phải cố hết sức mới khỏi ngã. Chúng tôi lúc ấy chẳng khác nào như ở trên bong tàu biển bị bão vậy. Các cây cổ thụ lung lay hết tả lại hữu, thế mà người ta cũng phải bám chặt vào gốc nó cho đỡ ngã, hoặc người nọ phải nắm lấy người kia mà giữ nhau đợi cho đến khi yên ».

Những nghe chuyện thuật lại như vậy cũng đủ bất tất phải thêm giết thêm làm chi nữa.

Trích ở báo « La Nature »

CÂU CHUYỆN NHÀ NÔNG

Cách bón ruộng ở Trung-Hoa và Nhật-Bản

Trong Táp-chí số 17 cũng về mục « Câu chuyện nhà Nông » ở trang 20 chúng tôi nói rằng các nhà làm ruộng bên ta quý phân người để bón ruộng. Chẳng những chỉ có bên ta quý mà thôi, cả bên Tàu và bên Nhật cũng quý phân người lắm.

Ở bên Tàu thì mấy tỉnh miền nam và cả ở Vân-nam nữa, chính chúng tôi đã được mục kích, họ dùng toàn phân người bón đất, nhất là bón ruộng lúa. Dùng thứ phân này mà bón đất bón ruộng thì rau cỏ lúa má tốt lắm, điều đó đã quả nhiên rồi. Nhưng có lẽ hoa màu, nhất là rau nấu ăn thì không được lành. Trong mấy tỉnh miền Nam bên Tàu xét ra người hay bị nhiều chứng bệnh mà người phía bắc không mắc, thì có lẽ cũng vì cái đó chăng.

Một người nào sang đất Tàu mà chưa biết rằng người Tàu quý phân người để bón ruộng đất thì không hiểu là vì có gì mà những nhà riêng đua nhau làm chuồng tiêu đầy đường để tiện cho khách bộ hành. Phố nào làng nào cũng nhan nhản những nhà sý nhỏ hoặc lợp lá, hoặc đắp đất cũng có cả bằng gạch nữa. Người không biết thì ngỡ rằng một xứ cần thiết những việc công ích quá đổi. Kỳ thực ra thì chẳng qua họ làm như thế là cốt để lợi dụng riêng.

Vừa bước chân vào một xóm nào hay một cái trại nào thì đã thấy ngay mùi ghê gớm sặc sụa không sao ngửi được. Chẳng thà như những mùi chuồng trâu, chuồng bò, chuồng dê, chuồng cừu, nồng nàn lên mà lại còn dễ ngửi, đằng này lại là mùi những hố phân, bạ thức gì họ cũng tổng cả xuống đấy cho nó ủ nát ra.

Người Tàu chỉ ưa bón đất bằng phân người cho đến nỗi thợ cạo cũng gom nhặt những râu tóc người đến cạo, lại cả những móng chân móng tay cắt ra để bán cho nhà làm ruộng. Người mà lại lợi dụng người đến thế là cùng.

Ở bên Nhật cũng vậy, chẳng khác gì bên Tàu. Hay là họ mũi diếc chăng. Nếu có thực thể cũng may cho họ. Ở về vùng quê, và đến cả trong một vài phố cũng thế, thực là có cái mùi khó chịu. Ai về vùng quê, và đến cả trong một vài phố cũng thế, thực là có cái mùi khó chịu. Ai đã qua bên ấy, nhất là ở Tàu thì đã rõ.

Tôi lại nhớ rằng mới ngoài mười lăm năm nay, tại phố Hokeou (đối ngan với phố Laokay, bên này thì thực là sạch sẽ), tại mấy phố Vân-nam-phủ và ở Quảng-dông, lúc nào cũng thấy có mùi tẻ quá,

Nói của đáng tôi, ngày nay thì người Tàu, về đường sạch sẽ, cũng đã có lần tới.

Ở bên Nhật-Bản thì những người Nhật họ đi chơi ở ngoài đồng đầy những phân người, mà lại còn thứ phân gì thối hơn nữa, thế mà xem ra họ đi lại ngao du ung dung lắm chứ không lấy gì làm khó chịu.

Trong các thành phố, mà đến cả thành phố lớn nữa như ở Kioto là một tỉnh mỹ-thuật mà cũng thế. Độ tôi sang chơi bên ấy thì thường gặp những người dân ông Nhật ở trần trụi trực gánh kiosk hai đầu đòn gánh tre hai sọt hoặc hai thùng đầy ọc ạch mà đi tuốt về nhà quê. Chưa đến gần đã biết ngay là họ gánh gì rồi. Bên Nhật, trong một năm có nhiều tháng, đi chơi các miềng nhà quê thì thực bằng thân tội; họa chăng có mũi của họ thì mới chịu nổi.

...

Cho được trọn câu chuyện này chúng tôi xin trích a đây một đoạn trong sách « Chu-Lễ ».

Sách Tchou-Li 周禮 giầy về nghề nông từ một thế-kỷ trước Thiên-chúa giáng sinh về « phân người » có nói rằng: « Các địa-chính quan phải trông coi chỉ bảo không được để phí chút nào, vì chính là mối phú cường của dân ở đấy. Phải bắt hót vào một cái vại để ngấu trong 6 ngày, rồi thì

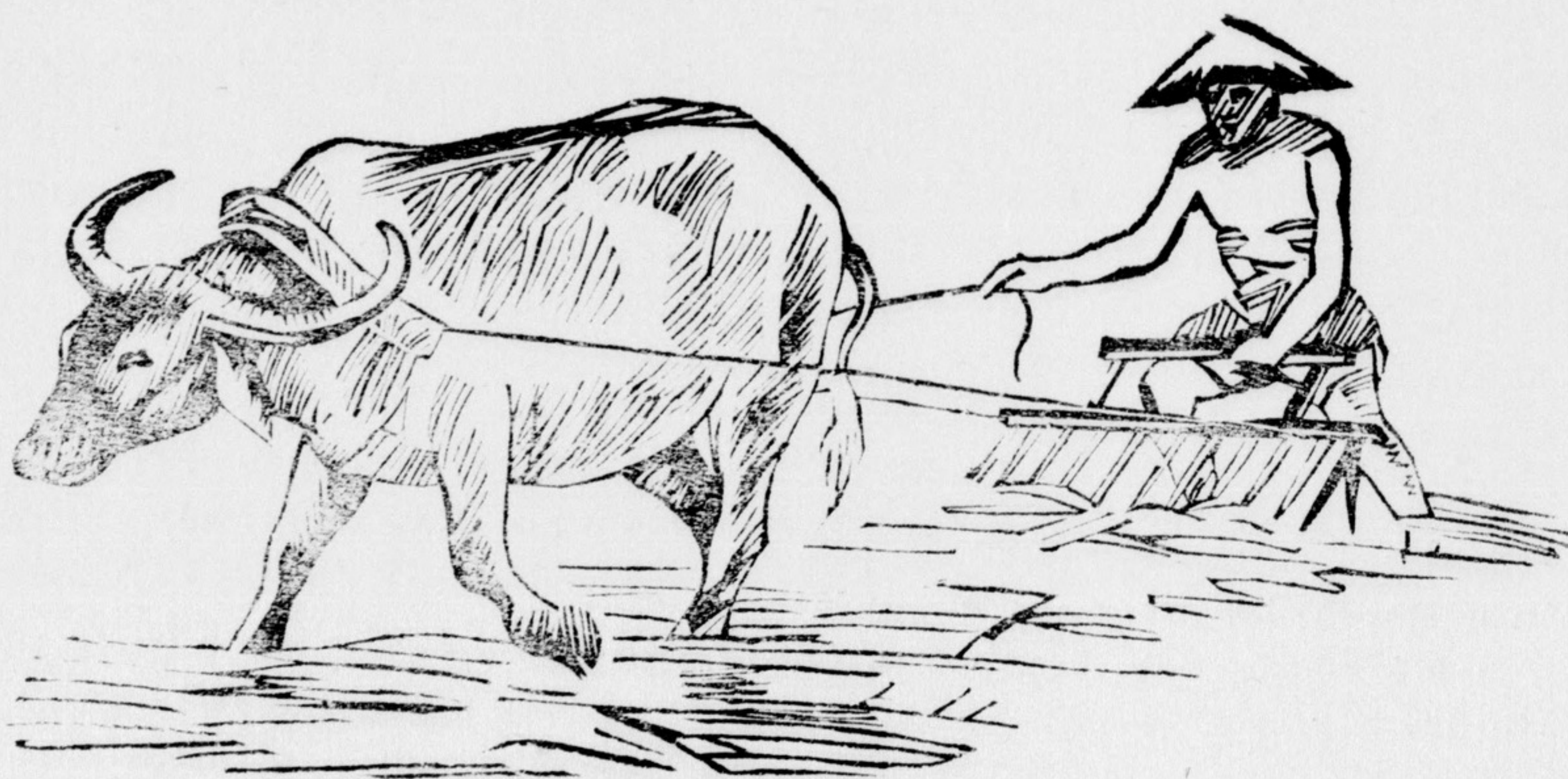
lấy độ 10 phần nước pha vào mà hòa lên. Ruộng lúa thì khi lúa bén chân rồi sẽ bón, đừng có bón trước, cần phải bón bao nhiêu thì bón chứ cũng đừng bón nhiều quá. Nghĩa là bón cho cây lúa chứ không phải là bón đất, và nếu bỏ nhiều thì nó bốc hơi đi mất cả. Nhưng nơi đất khô không có nước thì bón ngay vào gốc cây khi nó đang mọc vì nếu bón vào khe luống thì phí mất nhiều. Nếu biết làm khôn khéo cần kiệm thì đỡ phí tổn mà được mùa. Ấy tức là hạnh phúc của dân đó. Ở các tỉnh miền Bắc không có vụ động thì phải nhào phân mấy đất mà làm thành bánh mà tải sang các tỉnh miền Nam vân vân...

Cái vại phân ấy nhà nào nhà nấy để ngay ở ngoài cửa.

...

NHỜI DẶN. — Ta đừng nên ăn những rau hay quả (nhất là những quả ở mặt đất như là quả giầu tây « fraises ») bón bằng phân ấy. Những lúc nào có lệ khí, hay dịch tả, lại càng nên kiêng kỵ lắm. Rau ăn sống mà bón bằng phân ấy, giầu cho rửa sạch đến đâu cũng không nên ăn vì nhớ ra là mắc bệnh nguy hiểm như dịch tả, kiết, lỵ hoặc bị run sán, cũng hại cả.

L. V.



論 篤 是 與 君 子 者 乎 邑 莊 者 乎

Luận đốc thị dữ, quân tử giả hồ, sắc trang giả hồ

Luận ngữ

Chớ thấy người luận về đạo đức mà tin ngay là người ấy đạo đức. Phải nên xét xem người ấy có thực là Quân-tử không, hay chỉ có bề ngoài làm ra bộ Quân-tử đấy thôi.

NHỮNG ĐIỀU CHỌN LỰA CHO TA HANG NGÀY

NUÔI ONG (Tiếp theo)

NÓI VỀ THÙNG ONG

Ta thường nuôi ong thì đóng một cái thùng vuông rất sơ sài, sáu bề kín mít, đằng trước thì lấy dùi nung đỏ dùi vài lỗ ở dữa để làm cửa cho ong ra vào. Một bên thì có cánh cửa mở ngang để phòng khi lấy mật. Thùng chỉ làm thế là xong. Nuôi ong thì cứ bỏ một bọng vào rồi tùy nó muốn xây tổ vào chỗ nào thì xây.

Còn như nuôi ong theo cách mới thì người ta làm thùng có nhiều khung rồi để cho ong làm tổ vào các khung ấy vì nhiều khi người nuôi đã lắp sẵn cả tổ làm bằng sáp vào hay

nhiều khi để mớm một miếng tổ cho nó noi theo mà làm thêm, như thế lúc lấy mật rất dễ, mà sự săn sóc bọng ong cũng không khó.

Tuy đóng thùng ong theo lối mới thì vừa khó vừa mất nhiều công nhưng đã biết bảo biết ghép mộng thì tưởng cũng có thể đóng được một cái hợp cách, đó cũng là một cách tiêu khiển trong lúc rỗi công rồi nghề. Cốt nhất là biết tính tình cùng cách sinh hoạt của loài này rồi làm, nghĩa là thùng ong không cần đẹp mà chỉ cần sao cho thích hợp với nó mà thôi.

Trước hết phải dùng gỗ rõ khô vì có thể lúc đóng song mới khỏi nứt nẻ phiền phức.

Đại khái một thùng ong bao giờ cũng phải có mấy tầng, tầng dưới cùng thì cao bằng hai những tầng trên. Các tầng cùng nắp lại rồi nhau, nhưng

tuy rời thật mà lúc để cái nọ vào cái kia thì phải khít, người ta cốt làm các bộ phận rời nhau thế để lúc lấy mật được dễ, hai là lúc nào lấm mật cần phải thùng rộng thêm thì mới lắp vào, ba là lúc lấy mật được toàn mật thôi không lấy phải các tổ đưng con cùng lúc lấy mật khỏi làm rối tổ.

Đóng thùng thường bao giờ cũng đóng khung trước để sau lúc làm thùng còn có thể châm thước kích thước theo đấy. Cứ mỗi tầng người ta vẫn làm 12 khung. Khung thì đóng bằng những mảnh gỗ giải, bề giầy là một phân rưỡi tây (15m/m) rộng thì hai phân rưỡi (25m/m) còn kích thước trong lòng khung thì khung lớn là một chiều 27 phân, một chiều 42 phân (27 c/m $\times$ 42 c/m), khung nhỏ thì bằng nửa nghĩa là một chiều 13 phân rưỡi, một chiều 42 phân (13 c/m $\times$ 42 c/m). Sở dĩ người ta làm theo kích thước này là vì bên Tây họ thường lắp tổ đúc sẵn bằng sáp vào để ong chỉ phải làm mật mà thôi cho nên mật sinh rất nhiều. Các tổ này thì rộng hẹp lại làm theo như trên kia, có một điều nên biết là miếng gỗ ngang trên thì giải hơn miếng gỗ dưới vì khung lúc để vào thùng chỉ tựa xuống bằng hai đầu miếng gỗ ấy thôi.

Làm xong thì làm tầng dưới nghĩa là thân thùng. Đấy thì ta làm bằng một tấm gỗ giầy giầy, cắt vát đi một đầu để làm chỗ cho ong cất cánh bay. Chỗ cắt vát ấy ở ngoài mặt trước thùng.

Hai mặt đằng trước và đằng sau thì phía trên soi cạnh để đưng các đầu khung.

Các khung không được gần nhau và cũng không được xa nhau quá vì rằng nếu ta không chịu xét đến tính tình ong mà để khung nọ xa khung kia độ bốn phân (4 c/m) hay hơn bốn phân thành ra trái với cách sinh hoạt của ong. Ong cho thể

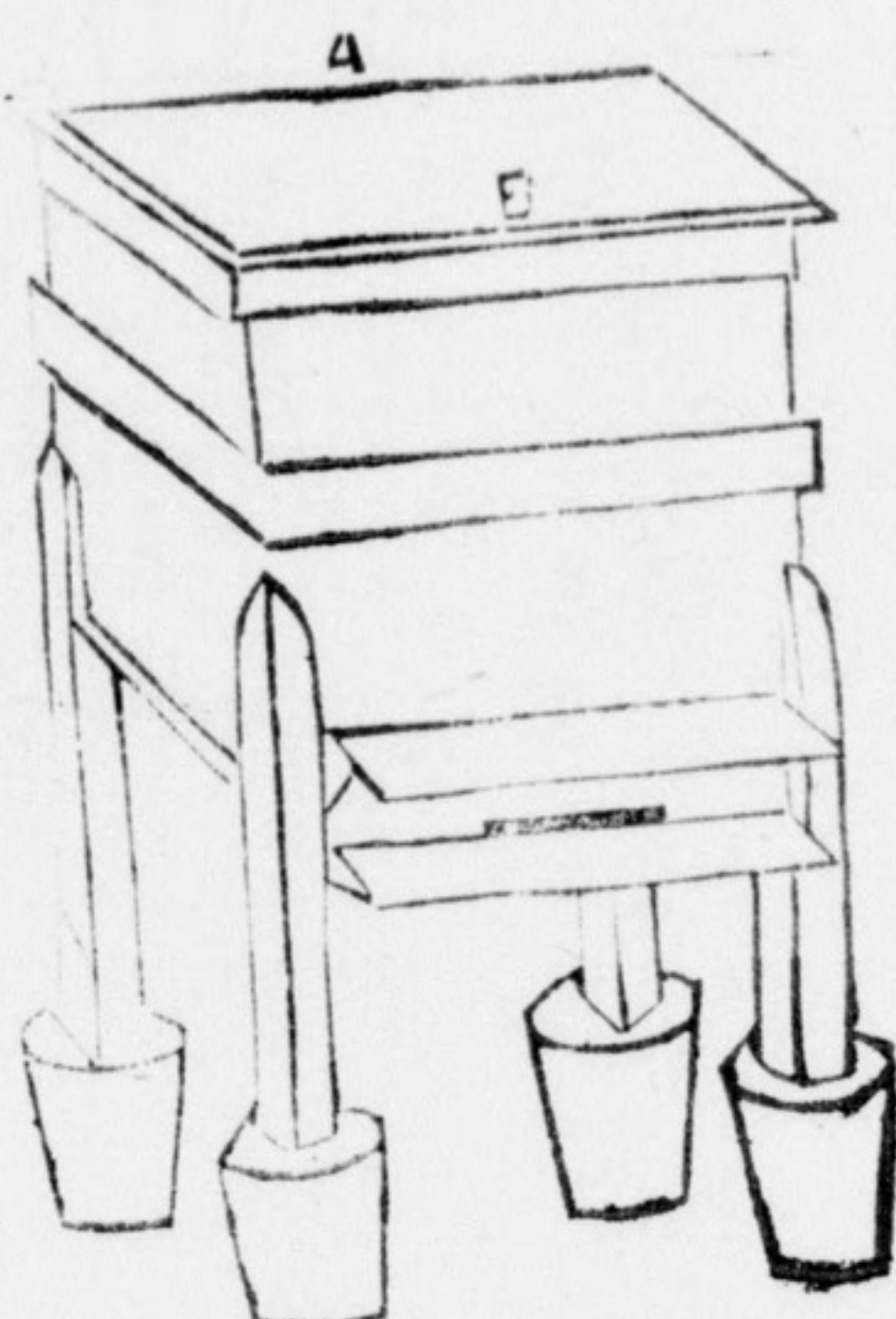


Fig I

là rộng quá lại làm thêm tờ ở dữa hoặc nối tờ bên này vào tờ bên kia thành ra các bộ phận không rời nhau nữa cũng quá tội. Hai khung chỉ được xa nhau 38 li (38 m/m) mà thôi. Khung lại còn phải xa các mặt thùng cùng xa phía trên để ong có thể qua lại được nếu gần quá tất ong lấy nhựa (propolis) mà gắn liền vào nhau thành ra lúc lấy mặt rất phiền. Bởi vậy ta phải dùng đánh uốn vuông nhọn hai đầu đóng cách quãng nhau vừa bằng đầu khung để lúc để khung xuống cho khỏi xê xích (đánh này các biểu bên Tây thường bán nhưng bên này có lẽ ít có, ta muốn làm có lẽ phải làm lấy thì phiền phức). Có một cách nữa là lấy hai miếng tôn (tôle) cắt răng để cho đầu khung vào. Lúc đóng hai miếng này vào thùng thì nên đóng hơi cao hơn chỗ soi một vài li đừng để đầu khung liền vào mặt thùng; như thế thì ít khi ong gấu đầu khung vào thùng.

Dưới khung ta lấy giấy thép uốn răng cưa để mỗi khung vào dữa hai răng cho khỏi sai chỗ.

Về mặt trước ở phía dưới ta mở một cái cửa rộng chừng mười lăm phân cao một phân ngó ra chỗ cất vạt, còn từng trên đại khái cũng đóng như thế nhưng mà chỉ bằng nửa thôi. Nên nhớ rằng dưới mỗi từng trên cùng dưới nắp có đóng nẹp chung quanh để lúc chấp cái nọ lên cái kia cũng tiện như là ta đẩy nắp dương vào dương vậy.

Đây là xin nói qua về mấy điều cần biết để đóng thùng còn thì sẽ tùy ý các độc-giả đóng cách nào tiện thì đóng, thí dụ như nắp đóng hai mái hay một tấm, chân giò hay chân liền

vân vân. Nhưng cốt nhất là ta còn bỏ ngõ thì chỉ nên đóng một chiếc trước nếu được tốt bấy giờ ta sẽ đóng nhiều.

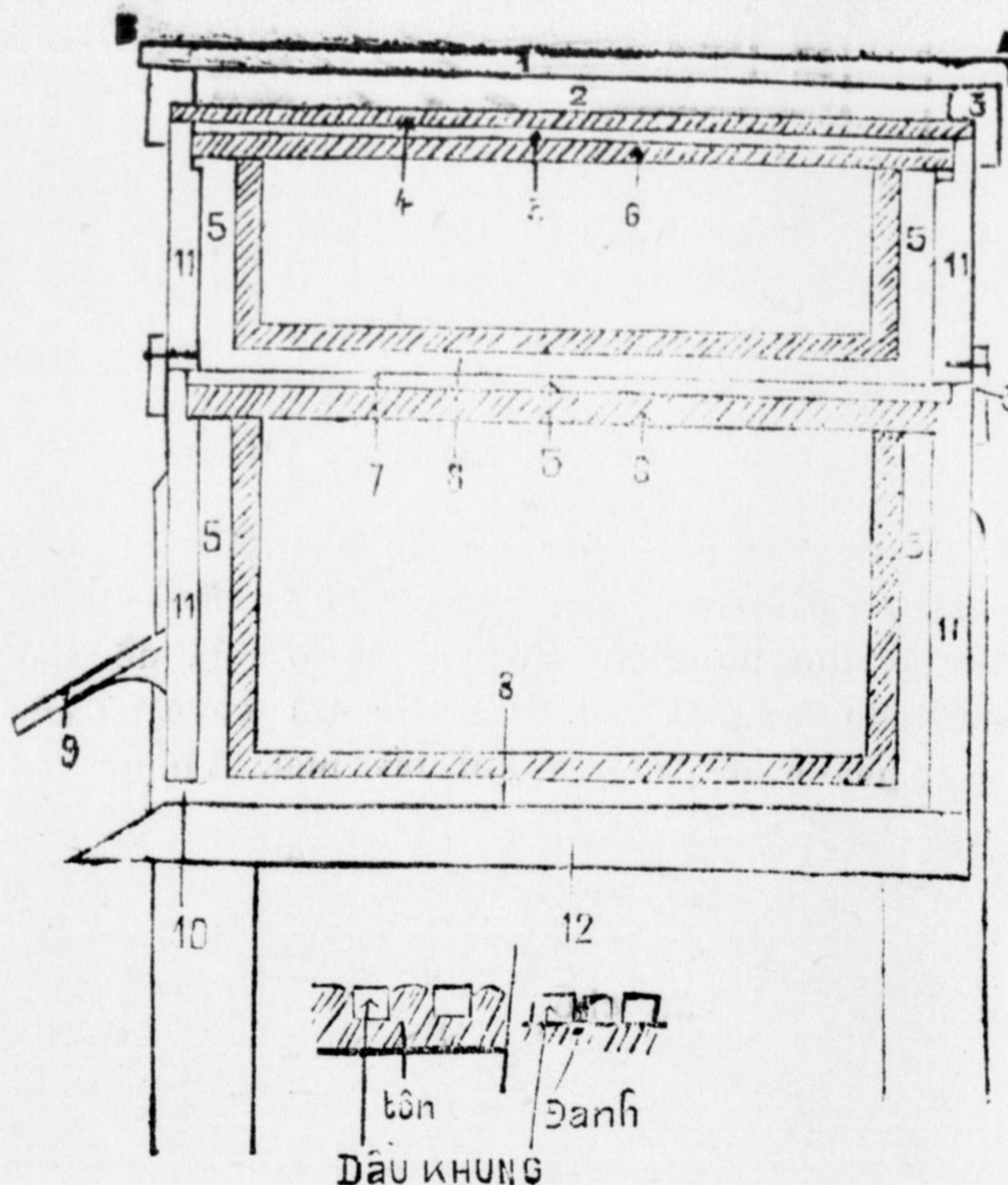


Fig II

- | | |
|----------------------|-------------------|
| 1 Mái | 7 Mảnh kẽm có lỗ |
| 2 Chỗ chống | 8 Chống độ 15 m/m |
| 3 Nẹp | 9 Mái cửa |
| 4 Tấm ván rời | 10 Cửa |
| 5 Chỗ chống độ 7 m/m | 11 Mặt thùng |
| 6 khung | 12 Đáy thùng |

(Còn nữa)



切切僂僂怡怡如也可謂士矣
朋友切切僂僂兄弟怡怡

Thiết thiết ty ty, di di như già, khả vị sỹ bỹ.
Bằng hữu thiết thiết ty ty, huynh đệ di di.
Luận-Ngữ

Người nào mà thiết tha dục dã làm điều phải và tỏ ra một cách hòa vui, mới đáng gọi là người có học chữ.

Đối với bạn thì thiết tha dục dã, đối với anh em thì hòa vui.

VIỆC GIÀY BẢO BỌN THANH-NIÊN BÊN GIÁO

Nhân tiếp các đảng đi giảng về mùa chay ở La-mã, đức Giáo-hoàng Pie XI có ân cần giặc bảo thêm về vấn đề giáo hóa thanh-niên rằng:

« Ta cần giặc các đảng hai điều riêng. Hai điều ấy rất can trọng về vấn đề giáo hóa bọn men thiếu và trách nhiệm của giáo đường về việc ấy.

Điều thứ nhất là việc rất hệ trọng, tức là một cái sai lầm mà càng ngày ta càng thấy lan rộng ra, mà phần nhiều gio ở ngoài vào. Cái sai lầm ấy tức là cha mẹ bỏ mất cả quyền, cả chức trách phải trông nom con gái và con gái thậm chí đến nỗi con cái muốn đi đâu thì đi, đi mấy ai cũng được, giờ nào thì giờ, cha mẹ không còn kiểm soát gì nữa. Thêm tệ đến gác hẳn cha mẹ ra ngoài không dự được đến cả cách chúng ăn ở nữa, chúng giặc gọi cha mẹ là đồ buồn. Có Lan gái gái mời nhau mà giặc hạ đến câu rằng « không có đồ buồn » thế là chúng hiều ngăm mắ nhau là không có cha mẹ ở đấy.

Ái nờ rằng trong một nước theo đạo Thiên-chúa, vốn chân thật và ngoan đạo, mà con cái đến nỗi kinh nhon cha mẹ như thế, và cha mẹ thì lại quên cái trọng trách của mình đối với con.

Nguyên gio cái sự bại ấy là bởi con cái không còn kính nể cha mẹ chút nào nữa ?

Đức Giáo-Hoàng còn nói thêm nhiều về khoản ấy. Ngài phán rằng ngài đã mục kích và đã nghe thấy nhiều đứa trẻ còn bé tí cũng đã nhăm đường như vậy.

Sang đến điều thứ hai đức Giáo-hoàng cũng lấy làm chu-chuẩn lắm, Ngài giặc các đảng đi giảng phải để ý đến cái hại đọc sách cho bọn trẻ.

« Hiều có thực nhiều sách vở bại, chẳng những là không kính đạo Trời mà lại trái cả loài người nữa, nhất là hại cho cái hạng tuổi non nót đương cần phải trông nom giặc bảo ấy ».

Ngài có đọc cả một quyển mẫu sách của hội tư thu phát-xích (fascites) làm cho bọn thanh niên. Ngài có trích ra mấy quyển bậy mà ngài lấy làm khổ tâm, vì xưa nay chính hội ấy vẫn làm được nhiều sách hay cho bọn trẻ.

Vậy thì các đảng đi giảng mùa chay và các cổ các sở phải bá cáo cho các nhà cần phải kén chọn sách hay cho con trẻ.

Nước ta vốn trọng hiều làm nhất. Những câu giặc về Hiều chẳng thiếu gì. Hãy xin kể mấy câu trong các sách khi xưa ta học vỡ lòng :

1. Tam-Tự-Kinh. — 孝於親所當講 Hiều cơ thân, sở đương thức = Hiều với bố mẹ là nên biết.

2. Luận-Ngũ. — 父母在遊必有方 Phụ mẫu tại du tất hữu phương = Cha mẹ còn chơi phải có nơi.

3. Kinh Lễ. — 出必告反必面 Xuất tất cáo phản tất diện = Ra phải thưa, về phải trình mặt.

Còn về mục xem sách thì có lẽ khi xưa không làm gì có những hạng văn-sĩ như ngày nay nó nhau mà làm sách.

Phàm đã gọi là sách thì linh sách học, sách có ích hay cả. Vì vậy nên chỉ thấy Thánh Hiền đời xưa khuyên đọc sách chứ không cần phải giặc lựa chọn sách mà đọc.

Về mục sách vở này xin hãy xem quyển Tập-chí số nhất, trang thứ 3 trong bài diễn-văn của quan Thống-sứ Robin. Thực Ngài đã xét kỹ càng và hiều thấu lắm.



LẠI NÓI VỀ NỮ - QUYỀN

Trước đây ít lâu, chắc các bà các cô còn nhớ Trung-hoa nữ-tiến-sĩ luật-khoa *Trịnh-dục-Tú* được bổ làm quan tòa ở Thượng-hải. Nay lại một nhà báo Tây kỳ tầu này sang có đăng tin rằng tại Bá-Linh(kinh-dô nước Phổ) cũng có một nữ-luật-khoa Tiến-sĩ *Spitzer* làm quan tòa án sơ-cấp. Hai bồi thẩm ngồi phiên tòa cũng một người là đàn-bà một người là đàn ông.

Đây phụ-nữ người ta tiến bộ như thế đấy. Hữu tài tất hữu dụng. Giỏi giang tất là được qui trọng. Lạ là nay phải cổ động, mai phải hô hào đòi nữ quyền mới được.

Chị em ta vốn đã có cái đức hay bắt trước. Vậy xin các chị em nên theo cái hay của người thời, còn cái dở của người nên nhắm mắt bỏ qua. Xin chị em biết cho rằng ở đời không có chi là hoàn toàn được cả. An tất là mình không có chán vạn điều hay, mà người lại không có điều dở.

Duy chỉ có giới đất soay vắn, cuộc đời thay đổi, là cái lý tất nhiên. Nhiều điều ngày xưa thì hay mà bây giờ thì không hợp nữa. Nếu ta biết lựa chọn học lấy tinh những điều hay của người để thêm vào những cái tính hay nét tốt của ta sẵn có thì hay lắm. Nhưng khốn cái tính hiếu kỳ, tham thanh chuộng lạ, là cái tính chung của loài người, cho nên những cái phong trào ở ngoài tràn vào, dù hay dù dở đều được hoan nghênh cả. Vả chăng cái hay thì khó học mà cái dở thì dễ bắt trước, thành ra cái hay của người chưa học được, đã tập ngay được cái dở rồi.

Giám xin khuyên chị em rằng, nếu ta muốn nâng cao cái nữ-quyền lên thì không gì bằng hãy cố công học cho giỏi, rèn đức lấy những nét tốt, thế là tự khắc chiếm được những địa-vị cao trong xã-hội.

Đức Thánh giầy rằng : Bất hoạn vô vị, hoạn sở dĩ lập 不患無位患所以立 nghĩa là đừng có thấy không có địa vị gì mà sầu, phải lo làm sao cho đáng có địa vị mới được.

Các nước văn minh, sở dĩ phụ-nữ chiếm được địa-vị cao trong xã-hội là bởi họ có tài đức lớn cả.

Xin chị em nghĩ đấy mà coi.

T.D.T.C.

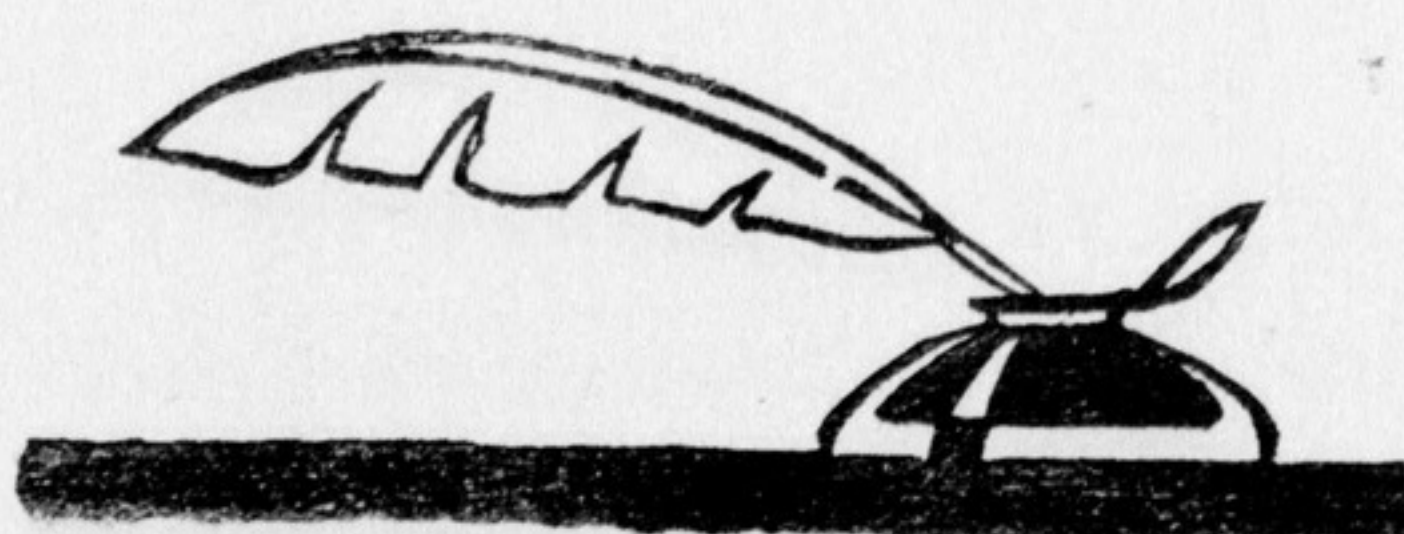
Một món đồ nước Tây rẻ làm mà ta có thể dùng làm đồ ăn cháng miệng bữa thường

BEIGNETS DE BANANES (Bánh chuối)

Xẻ quả chuối chín làm bốn miếng mỏng dài, lăn vào bột mỳ rồi rán chín, vớt ra sắp lên đĩa, rắc đường vụn lên trên. Ăn nóng rất ngon.

Bột đề tâm ấy, phải làm thế này : Đánh bột mỳ bằng nước lạnh, phải vừa nước cho bột đặc, cho một ít muối và một vài thìa rượu mạnh, như Rhum, Tafia hay là Chartreuse (rượu Rom, Tà-phia, Sà-tời) hoặc nước vỏ cam, vỏ chanh, hay các thứ thơm khác, nên thêm một vài thìa dầu ăn hay là mỡ và một hai quả gừng gà, đánh lộn cả lên cho đều, đoan rồi lăn đi lăn lại mấy miếng chuối trong bột ấy cho đều bột khắp cả rồi hãy rán, phải rán cho nhiều mỡ.

KIM-DUNG



NHẤT THIÊN NHẤT GIA THOẠI

(MILLE ET UNE NUITS)

Chuyện anh Thuyền chài (Tiếp theo)

Lão thuyền chài lại tiếp theo rằng: « nhưng tôi có làm điều gì phạm đến Ngài đâu. Hay là ngài định đền ơn cho tôi như vậy đó chăng ? »

Vị thần lại nói: « Ta không thể xử với người khác được nữa. Nhưng này đây người hãy nghe câu chuyện của ta: Nguyên ta là một vị nghịch thần không vâng mệnh Trời. Các vị thần khác đều phục tùng đức Sa-lô-Mông là trưởng bách thần cả. Duy có Sa-ca (Sakar) thần và ta là không chịu khuất phục thế. Vậy vị ấy báo thù ta sai vị thần At-Sáp (Assaf) con vị Ba-ra-ky-a (Barakhia) là bộ hạ đến

bắt ta. At-sáp vâng mệnh đến bắt ưc ta rồi dẫn ta đến trước bệ rồng là chỗ Sa-lô-Mông ngự. Sa-lô-Mông truyền cho ta phải quy thuận, phải vâng mệnh lệnh. Ta nhất khải không nghe, chẳng thà để cho Sa-lô-Mông muốn làm gì ta thì

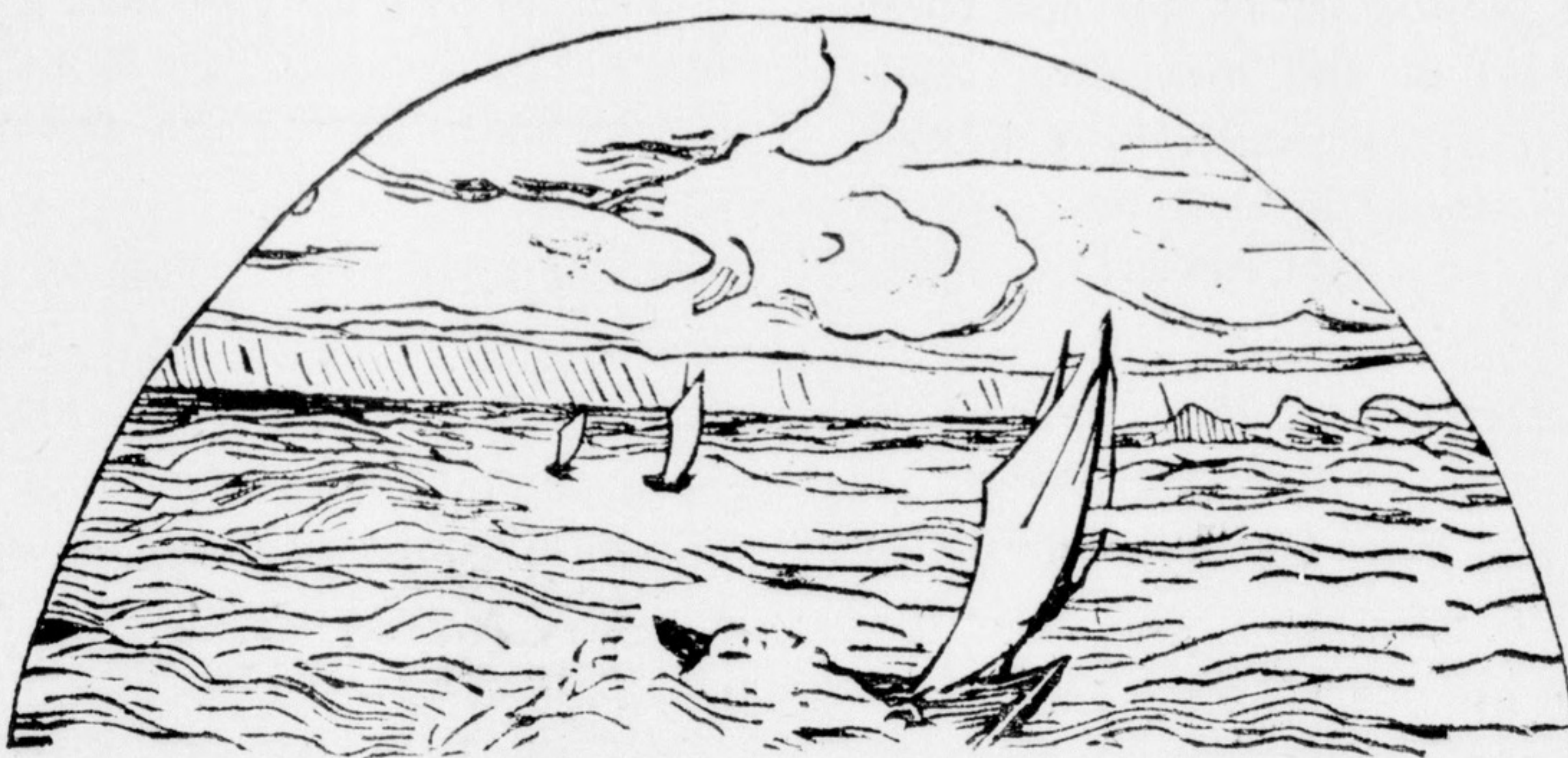
làm chứ ta không chịu cam đoan một lòng trung thành thờ phụng. Sa-lô-Mông bèn giam ta vào trong cái vò đồng này, mà muốn cho ta không bao giờ ra khỏi, thân hành lấy chì gắn miệng vò lại rồi đóng giấu có dấu hiệu đức Chúa trời lên trên. Gắn kín cửa thẹn rồi thì giao tay cho một vị thần phục tùng, sai đem vát ta xuống bể. Trăm năm trước tiên thì ta nguyện rằng kẻ nào mà phóng thích cho ta được thì ta cho giàu có xuất đời, chết hãy còn giàu. Hết một trăm năm ấy không ai làm gì cho ta được. Đến thế kỷ thứ hai ta lại nguyện rằng ai mà cứu ta ra khỏi thì ở dưới đất này bao nhiêu là kho vàng ta sẽ mở cho cả; nhưng xuất trăm năm ấy ta cũng chẳng thấy gì. Đến thế kỷ thứ ba ta lại quyết rằng kẻ nào

cho ta ra được thì ta cho làm vua rất là anh hùng vì ta sẽ làm thần ủng hộ luôn luôn bên cạnh để cho mỗi ngày ước ba điều dù khó đến đâu ta cũng làm cho được; nhưng lần này cũng lại như hai lần trước, ta cứ bị giam hãm mãi. Ta bị ở trong này lâu sinh ra buồn bực, bồn trồn điên khùng, thành ra ta lại thề rằng nếu từ giây mà người nào tháo cho ta ra nữa thì ta nhất định giết chết chứ không tha, nếu có nhân nhượng nữa thì chỉ còn có cho muốn chết cách nào thì trợn lấy.

Ngày nay nhà người đã đến đây, mà chính người

lại giải phóng cho ta vậy thì người muốn ta giết cách nào thì cho người trợn đi.

Nghe xong lão thuyền chài lấy làm buồn bã vô hạn. Lão bèn than rằng: « Rõ thật vô phúc cho tôi chưa! Tự nhiên



ngày nay đâm đầu đến đây mà thì một cái ân to cho kẻ bất nghĩa. Vậy giám xin ngài nghĩ lại, như thế thực là bất công, mà ngài giải cái nhời thề vô lý ấy đi. Ngài tha cho tôi tất Trời cũng lại tha cho ngài. Ngài xuống phúc tha cho tôi sống thì trời sẽ ủng hộ cho ngài khỏi mắc vào nơi la vống.

Vị thần cứ một mực nói rằng thế nào người cũng phải chết, người muốn chết cách nào thì người trợn lấy.

Lão thuyền chài thấy vị thần khẳng khẳng muốn giết mình thì lấy làm đau đớn lắm. Đau là không phải có tiếc gì thân mình, nhưng chỉ sợ cho ba đứa con thơ, vì nếu mình chết đi thì chúng nó cơ hàn đến đâu. Anh ta lại cố vật nài cho vị thần ấy có người dẫn chẳng. Anh ta bèn gạn rằng: « Xin

ngài nghĩ lại cái công cứu mạng của tôi mà thương lấy tôi » Vị thần lại nói rằng : « Ta đã bảo cho nhà ngươi biết rồi đây ; chính là vì cái công ấy mà ta phải giết ngươi.

Lão thuyền chài nói rằng : « Thế thì lạ thực, ngài cứ nhất vị lấy ân làm oán ư. Ngạn ngữ có câu rằng kẻ nào làm ân cho một người nào không đáng thì thường bị ác báo. Tôi xin thú rằng trước kia thì tôi vẫn không tin cái lý ấy, vì lại còn có gì trái hơn, trong xã-hội còn có gì là bậy hơn nữa ; thế mà ngày nay chính ngay tôi mắc phải, chẳng hóa ra quả thực như thế ư.

Vị thần lại dục rằng ngươi đừng bẻm nữa mà vô ích, mất cả thì giờ, ta đã nhất quyết là không bao giờ chuyển được lòng ta ; ngươi muốn chết thế nào thì tron ngay đi.

Túng thì phải tính, lão thuyền chài bèn nghĩ ngay ra được một kế mới nói với vị thần rằng : « Nếu chẳng nào tôi cũng không tránh khỏi cái chết, thôi thì số hồ thiên mệnh. Nhưng trước khi tôi chọn cách chết, thì tôi hãy lấy cái duệ hiệu đức Chúa-trời mà đức Trưởng-bách-thần Sa-lô-Mông là con đức Đa-vít (David) đại-vương đã khắc lên cái nút vô để phân vua mà hỏi ngài một câu thì ngài phải nói cho thực. »

Vị thần thấy lão thuyền chài đã lấy uy trời mà bắt ép như thế, khiến cho thế nào cũng phải nhận nhờ ; thất kinh run lên cầm cập mà đáp rằng : « Ngươi hỏi gì ta thì hỏi ngay đi ».

Lão thuyền chài nói rằng : « Tôi xin hỏi rằng có thực ngài ở trong vô này không, ngài có giám lấy duệ hiệu đức Chúa-trời mà thế không ?

Có thực thế, ta xin thề có đức Chúa-trời chứng minh cho ta, quả ta có ở trong ấy.

Lão thuyền chài lại nói rằng thực tôi không sao tin ngài được, cái vô này chẳng đựng hết được một cái chân ngài, lẽ nào mà cả người ngài ở trong ấy cho vừa được ?

Vị thần bảo rằng thế mà được đây, ta đã thề trọng như vậy mà ngươi vẫn chưa tin à ?

Lão thuyền chài nói rằng tôi không thể nào tin được, nếu ngài không làm lại cho mắt tôi trông thấy thì nhất định tôi không tin ».

Tức thì vị thần ấy lại biến ra khói, lại tỏa ra khắp cả mặt biển lẫn trên bờ rồi lại thu dần dần vào

trong vô cho đến bên ngoài không còn tí nào nữa. Rồi tự nhiên trong vô lên tiếng gọi lão thuyền chài mà bảo rằng : « Lão thuyền chài bướng kia ơi, nay ta đã vào vô rồi, thế thì ngươi đã tin chưa ? »

Lão thuyền chài chẳng nói năng gì, vội vàng lấy ngay cái nút bằng chì cũ lại nút kỹ lại rồi mới bảo rằng : « Vị thần kia, bây giờ đến lượt mi phải kêu xin ta, nào mi muốn cho ta bắt mi chết cách nào. Nhưng thôi ta lại quảng mi xuống biển ngay chỗ ta vớt mi lên đây là hơn cả, rồi ta làm nhà ở trên bờ bên này để ta mách bảo cho các nhà ngư-phủ đến vắng chài ở đây biết. đừng có vớt con yêu tinh là mi lên nữa, vì mi đã trót thề rằng hề ai giải phóng cho mi là mi giết chết. »

Nghe thấy lão thuyền chài nói sặc như vậy, thì vị thần cố hết sức cựa tung ra, nhưng không sao ra được nữa vì ở trên nút có cái giấu của Sa-lô-mông Trưởng bách-thần đã đóng tức là đã yểm rồi. Vị thần thấy lão thuyền chài thắng thế sa cơ tất phải lụy cơ vậy, cố nuốt giận uẩn từ mà bảo lão rằng : « Ngươi ông ơi, ngươi ông chớ nên làm thế. Hồi này tôi nói thế là nói bỡn ngươi ông đấy, xin chớ tin là thật nhé.

Lão đáp lại rằng : « Mới rồi thì mi là một vị rất to, nhưng hiện bây giờ thì mi rất nhỏ. Mi phải biết rằng mi tán khéo đến đâu cũng vô ích. Thôi bây giờ thì mi lại xuống biển. Cứ như nhờ nầy vừa nói với ta thì mi đã ở đấy từ bao giờ đến bây giờ còn được, vậy thì mi lại cứ ở đấy đợi cho đến ngày bản án của mi kết liễu. Ta đã lấy duệ hiệu chỉ tôn đức Chúa-trời mà van lạy mi tha chết cho ta, mi nhất vị không nghe ; nay ta phải báo lại cho mi y như thế mới được.

Vị thần khi ấy thực là hết nhời, dùng đủ các cách lam cho lão thuyền chài siêu lòng : « Ngươi ông ơi, tôi lạy ngươi ông mở cho tôi ra, tôi xin đoan rằng sẽ báo đáp cho ngươi ông được hài lòng.

Lão thuyền chài lại bảo rằng : « Mi là đứa bất trắc phản phúc, ta tin mi để ta mất mạng à. Mi chẳng khỏi lại dãi ta như ông vua Hy-lạp giả ơn thầy thuốc. Mi lắng tai, ta kể chuyện ấy cho mà nghe.

Kỳ sau sẽ đăng chuyện

“VUA HY-LẠP và NGỰ-Y

ĐỨC-BÀN (Douban)” nối theo

VIỆC TRONG NƯỚC

Thẻ tùy-thân đặc-biệt cho Cựu-chiến-sỹ

Quan Toàn-Quyền mới ra tờ chu tri hệ trọng sau này, xin dịch ra đây tưởng cũng không phải là vô ích, nhất là cho các bạn độc-giả của Bản-chí nguyên cựu-chiến-sỹ đọc thì lại càng hay lắm :

Saigon le 8 Septembre

Đồng-Pháp Toàn-Quyền đại-thần, đệ tam đẳng Bắc-dầu bội - tinh, thông tư cho các quan Thống-sứ, Khâm-sứ (đệ chiêu sang quan Thống-soái biết).

Hiện nay ở cõi Đồng-Pháp này các hội cựu chiến sỹ thuộc địa đã dựng xong, Bản chức tướng cũng nhắc đề các ngài biết rằng cần phải cấp chiến-sỹ Tùy-thân-chỉ cho các người bản-xứ có quyền được.

Các chiến-sỹ người bản-xứ không như các chiến sỹ người Pháp mà lập thành đoàn thể ; mà dầu các báo quốc-ngữ có đăng chẳng nữa thì cũng ít đọc ; vậy thì nhà nước cần phải thông báo và yết thị, hoặc sức, hoặc quảng cáo cách nào, cho mọi người biết rằng có cái thẻ đặc biệt ấy được mọi quyền lợi cũng y như các chiến sỹ người Pháp.

Thi hành cho trọn vẹn bản luật ngày 19 Décembre 1926 ở đây cho khắp cả các bậc chiến-sỹ có Pháp tịch hoặc người thuộc địa thì không nên sót một điều gì ; nhà nước không nên để cho người ta phải dị nghị phản nản rằng nhà nước đã không được cân.

Vậy thì nay tôi phiên các ngài thông sức đây là sức cho rất rộng ra cho được có kết quả, chẳng những là hạt hạ được biết mà cả những người đi xa ra ngoài (ví dụ như những người quân Bắc-kỳ đầu mộ đi phu đi sang Lào hay vào Nam-kỳ), cũng đều được rõ cả.

Phải nên nhận rõ rằng những người đầu mộ sang để làm việc về hồi chinh chiến về năm 1914-1918 thì không được thẻ là chiến sỹ. Những hạng được thẻ đặc biệt ấy đã kê rõ trong điều 4 và 5 chỉ-đụ ngày 6 Juillet 1929 (J. O. I. C. ngày 9 Novembre 1930 trang 4198).

Nghị định ngày 23 Juillet 1930 về cấp thẻ đặc biệt cho các chiến sỹ có nói trong điều 4 rằng cần

cước những cựu chiến sỹ người bản-xứ phải do xã-trưởng Đốc-Lý và Công-Sứ các tỉnh thị thực.

Vậy thì muốn cho được chạy việc, tưởng nên khiến các quan cai trị ấy thu thập cả các đơn xin trong hàng tỉnh, xét kỹ hợp lệ rồi thì đệ lên binh phòng coi riêng về việc ấy.

Các đơn xin thị thực ấy làm bằng giấy thường (không phải tem). Nếu đơn ấy của những người còn chân dự-bị đệ lên quan mẫu binh, (phòng dự bị).

Nếu đơn ấy của những người đã mãn hân không còn chân gì trong việc binh nữa, lên phòng Tuyển-linh ;

Nếu là lính thủy, thì lên phòng đầu mộ Thủy-quân.

Những đơn ấy thì người đầu đơn phải ký (chữ ký phải có quan thị-thực) mà phải khai rõ như sau này để tiện việc tra xét về quyền cựu chiến-sỹ :

Tên họ, chức phận, đầu quân số mấy. Hiện ở đâu

Trong lúc chinh chiến 1914-1918 đóng những đầu, đi đánh những trận nào, có công cán gì ngoài nữa không (nhớ biên cả ngày).

Bị thương ngày nào tại đâu ;

Được trở về nhà thương ngày nào ;

Có bị làm tù binh không, ngày nào, tại đâu ;

Nếu có chân hội cựu chiến-binh nào tên hội là gì thì khai vào.

Quan binh sẽ gửi những giấy nhận thực tạm cho các quan Đốc-Lý và Công-sứ các tỉnh để cấp phát cho từng cựu-chiến-binh một, nhất diện thì đệ do Hội-trưởng Hội thuộc - địa của các chiến - sỹ (Présidents des Comités coloniaux d'anciens combattants) tại Hanoi hoặc Saigon, cái chứng chỉ căn cước lập ra trong điều 4 nghị định ngày 23 Juillet 1930 và hai cái hình của người chiến-binh.

Bản-chức lấy làm ân cần một cách riêng về khoản này vậy xin quý-chức thông tư cho các quan Đốc-Lý và Công-sứ các tỉnh thế nào để cho các cựu chiến sỹ được rõ rằng phủ Toàn-Quyền chiếu cố đến như vậy.

Xin quý chức phúc tiếp.

P. PASQUIER

Tin về các bậc thủ-hiến — Quan Toàn quyền Pasquier, đến hạ-uân tháng một tây này về Pháp-dinh công cán.

Quan Thống-sứ Robin sẽ nhận chức quyền Toàn-quyền Đông-pháp.

Quan Đốc-lý Tholance sẽ nhận chức Thống-sứ. Nhân nới rồi ngài thăng hàm Toàn-quyền thuộc địa, nay mai lại sắp nhận chức Thống-sứ, nên tòa Đốc-lý Thành-phố Hanoi hồi 5 giờ chiều thứ bảy 8 Novembre có đặt tiệc mừng Ngài.

Tin về nhà binh. — Các hàng binh sĩ từ nay đều được nghỉ các ngày tết ta.

Quan Thống-soái vừa ra lệnh từ nay trở đi các ngày tết ta, các binh sĩ đều được nghỉ là những ngày này :

Tết nguyên đán — tết mồng 3 tháng 3 — tết Thanh minh — tết mồng 5 tháng 5 — tết rằm tháng 7 — tết Chung thu — tết mồng 10 tháng 10. Binh sĩ sẽ được phép nghỉ, nhiều hay ít tùy tết to hay nhỏ. Sau nữa ngày sinh nhật Annam Hoàng-đế và Cao-miên quốc-vương đều coi là ngày lễ, vậy ở sứ nào gặp ngày lễ ấy, thì binh sĩ sứ ấy cũng được nghỉ.

Hai phi-hành-gia Goulette và Lalouette đã tới Hanoi. — Hai phi-hành-gia Goulette và Lalouette là người đã cưỡi máy bay từ Pháp sang Đông-dương thì hồi 2 giờ 5 phút chiều hôm qua đã tới trường bay Bạch-mai rồi. Trước mấy phút khi máy bay chưa hạ xuống đất, trên bãi trường bay có nhiều người đứng đợi để nghinh tiếp hai phi-hành-gia. Khi máy bay đã hạ xuống đất rồi thì quan Đốc-lý Tholance, quan năm Premorel, quan Đốc trường bay Bạch-mai, quan võ Déroo đại-biểu quan Toàn-quyền, quan năm Ferraux đại-biểu quan Thống-soái, quan Công-sứ Hà-dông Guillemain, quan cai trị Michelot đại-biểu quan Thống-sứ có lại sát mặt máy bay đón chào hai phi hành-gia.

Cuộc đón tiếp hai phi hành-gia Goulette và Lalouette cũng long trọng như đón tiếp hai phi-hành-gia Costes và Lebriz độ nào vậy. Chừng đến thứ hai 24 Novembre này hai phi-hành-gia lại cưỡi

máy bay bay về Paris, chuyến này có mang thư tin. Những thư tin do chuyến máy bay này mang sang Pháp sẽ phải giả thêm tiền cước bưu phí cứ 10 grammes là 0\$60.

Cái gan của đàn bà. — Vừa rồi Nữ phi-tướng Anh là Victor Bruce đã đến trường bay Hanoi, Tạp-chí số trước đây đã đăng, nay thuật lại cho rõ hơn.

Nữ-phi-tướng tập cưỡi máy bay mấy tuần lễ ở nước Anh, rồi cả gan đi du-lịch quanh hoàn cầu bằng con chim sắt. Bà mới tới Hanoi hồi 16h.30 hôm thứ năm vừa rồi.

Trước khi bà đến Thakhek hôm 1er Novembre, bà có hạ máy ở Ấn-độ, ở Diến-điện và ở Siem-la.

Hôm 2 Novembre bà đã có bay từ Thakhek ra Hanoi nhưng vì nhiều mây quá, không vượt giãy núi Hoàng-Sơn, nên lại phải hạ máy ở giữa một quãng đồi hoang, cây cỏ dậm dạp. Rồi lại một mình từ đấy bay về Thakhek.

Hôm thứ năm, giờ đẹp, bà lại bay ra Hanoi, gặp mây dày gió mạnh, khó nhọc lắm, mãi sau mới giò được đường sắt ở Bắc-kỳ, nơi theo về Hanoi.

Các Phi-công ở Bạch-Mai đón rước long trọng vô cùng.

Bà định ngày hôm sau lại đi Hong-kong, Shanghai, Nhật-Bản rồi sang Hoa-kỳ, qua Mỹ-châu, Phi-châu, về nước Anh. Có quan Norès và quan Wintrebot cùng các phi-công đãi tiệc bà ở Café Métropole. Hôm sau bà dờn Hanoi, quan Norès thay mặt chính-phủ tặng bà Vạn-tượng bội-tinh.

Bà gửi lời cảm ơn các Phi-công và các quan đã đón rước bà long trọng thế.

Hội-đồng Đề-hình tại Hải-Dương. — Xử các việc đánh Vinh-Bảo Phụ-Dực, giết M. Hoàng-gia-Mô, cướp tiền và giết M. Nguyễn-Bình, bắn M. Đội-Dương, cướp nhà M. Ngô-vi-Lan, giật tiền thuế ở cầu Phú-Lương, tổng tiền M. Đặng-văn Ngần ở Haiphong và V. N. Q. D. Đ. ở Lan-Can, Mỹ-Xá, Phạm-Xá, Đáp-Kê, Bắc-Ninh, Hải-Dương, Quảng-Yên, vân vân...

Hồi 8 giờ sáng hôm thứ bảy vừa rồi, Hội-tổng họp, viên lục sự Staller đọc 1819 câu hỏi về tội

trạng các bị cáo nhân. Đến 10 giờ thì Hội-đồng vào phòng riêng để giải quyết các câu hỏi ấy, đến 3 giờ chiều Hội-đồng tuyên ngôn kết án như sau này :

- 19 người vô tội thì được trắng án ;
- 6 người bị tử hình ;
- 87 người bị phát lưu chung thân ;
- 20 người bị khổ sai 20 năm ;
- 3 người bị 20 năm giam ở nhà chùng giới ;
- 7 người phải 15 năm khổ sai ;
- 3 người phải 15 năm giam ở nhà chùng giới ;
- 2 người phải 10 năm cấm cố ;
- 1 người phải 5 năm tù ;
- 1 người phải 3 năm tù ;
- 1 người phải 5 năm tù và 10 năm biệt xứ ;
- 1 người phải 5 năm tù án treo.

Sau khi tuyên án thì 111 người xin chống án tên Hội-đồng Bảo-hộ. Đến 5 giờ chiều ô-lô lại chở tội-nhân về Đê-lao.

..

Hôm nào quan Toàn-quyền về Pháp.— Đến 25 Novembre này quan Toàn-quyền Pasquier sẽ từ Hanoi đi xe lửa xuống Haiphong để đến ngày 26 Novembre đáp tàu Claude Chappe vào Saigon để đến 2 Décembre ngài sẽ đáp tàu Porthos về Pháp.

..

Tin mùa màng

Bắc-kỳ.— Vụ lúa mùa năm nay khá, kẻ cũng là một vụ được mùa. Các nơi hiện gặt đã gần xong cả, chỉ còn những nơi nào cấy muộn thì mới đương gặt thôi. Giá gạo độ này đã rơi. Nhất-hạng chỉ có sơ sắn trên dưới 11p. một tạ tây thôi.

Thanh-hóa.— Mùa trong tỉnh Thanh thì kém ngoài Bắc, vì trong ấy ít mưa. Duy nơi nào đã có giã thủy nhập điền rồi thì cũng khá. Hiện nay còn đương gặt.

Nghe-an.— Mùa ở Nghệ năm nay thì kém. Nhất là mấy nơi bị nạn cộng-sản mới rồi thì lại càng khổ sở lắm.

..

Bão hại ở Côn-Lôn-đảo.— Bão ở Côn-lôn-đảo hại to lắm, nhiều người bị thiệt mạng. Hai nhà đê-lao đổ, nhiều tù và một người cai bị chết.

Các nhà đều hư hại không ở được cả, phải dựng tạm những nhà ván lên mà ở. Nhà máy

đèn đồ sạch. Kho lương và thuốc mất hết. Các đường giây thép đứt hết ; tàu và thuyền bè đắm cả.

Số người chết hại chưa rõ hẳn là bao nhiêu. Cứ nhời thủy-thủ tàu «Gouverneur Général Roume» tới Saigon kể chuyện thì chừng chết mất độ trăm người tội giam ở đấy.

Nhà nước đã lập tức tru liệu phương cứu-cấp, đã gửi ngay lương thực và thuốc thang ra đảo ấy rồi.

Bão lan cả đến Saigon. Tàu « Claude Chappe » ở Tây sang phải ầm vào Cap-Saint-Jacques chưa ra Bắc được. Ở Cà-Mâu cũng bị năm người chết về trận bão này.



ĐOÀN - ĐỨC - BAN

NGHIỆP CHỦ

Nước mắm Vạn-Vân

Xưởng ngâm cá và lọc nước mắm tại CÁT-HẢI (Quảng-Yên)

Cửa hàng tổng cục : số 2, phố Bến tàu — HAIPHONG

Cửa hàng phân cục : số 32A phố

Bờ Sông hàng nâu

HANOI

Cửa hàng đại biểu : số 4 phố nhà hát — HONGAY

— số 1 phố Mỹ-Độ — BAC-GIANG

— số 42 phố cũ — CAM-PHA-MINE

Nước mắm đóng chai

Nhãn CON RỒNG làm bằng cá Quắn 0\$70

Nhãn CON HỒ làm bằng cá Nục 0.5

Nhãn CỜ VÀNG làm bằng cá Nhâm 0.37

Nước mắm rút toàn nước cốt màu trắng lọc kỹ cam đoan không hỏng.

Hiện nay các nhà sang trọng và các tay sành về nước mắm phần nhiều là ưa dùng thứ nước mắm này hơn cả.

Có bán tại nhiều các cửa hàng nước mắm khác.

SOCIÉTÉ INTERNATIONALE D'ÉPARGNE

(Hội Vạn-Quốc để dành tiền)

Công-ty nạc danh của người Pháp giúp sự góp tiền để dành cho thành vốn.

Tổng cục ở số 7, phố Edouard VII, Thượng-hải

Vốn của công-ty là 65.000 lạng bạc Thượng-hải (một nửa đồng rưỡi)
và 2.000.000 quan tiền Pháp (một phần tư đồng rưỡi)

Tiền trừ bị đến ngày 30 Novembre 1929 : 34.437.746.00 đồng bạc Thượng-hải.

Quản lý cõi Đông-pháp : 25, đường Guynemer. — SAIGON — Téléphone 571

Quản lý Trung - Bắc - Kỳ : phố Borgnis Desbordes. — HANOI — Téléphone 659

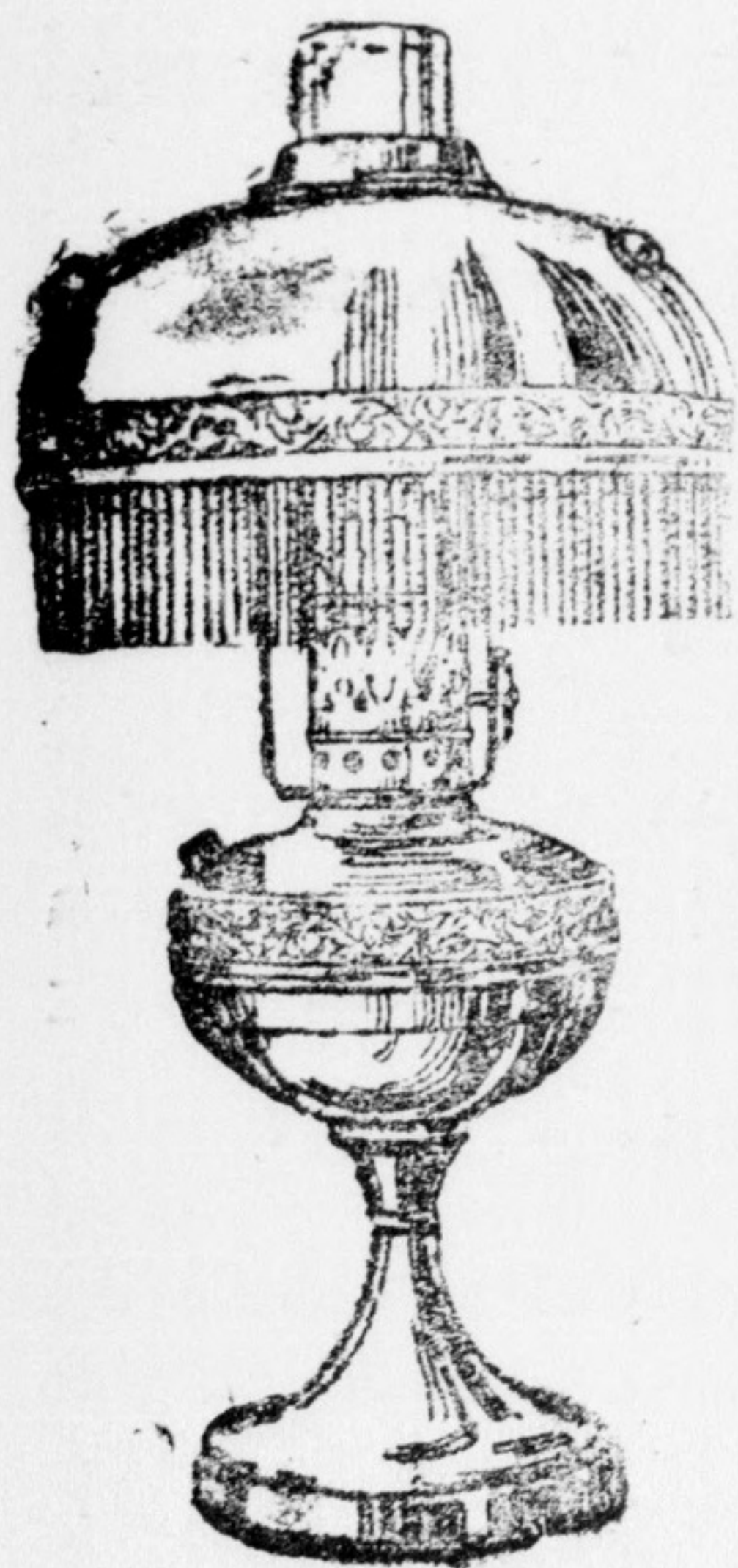
Hội thuộc quyền kiểm-duyet của phủ Toàn-Quyền Đông-Pháp. Tiền hùn lưu-trữ nhận được ở Đông-Pháp thì ký tại nhà Ngân-hàng Đông-Pháp ở Saigon

➤ Muốn tiết kiệm, muốn gây lấy tư-bản, muốn cho con gái có tư-trang hồi môn nên lấy một phiếu để dành

CÓ HAI CÁCH GÓP VỐN THỜI HẠN KHÁC NHAU :

Một cách góp trong 10 năm và đến cuối năm thứ 12 thì lấy tiền ra là 1000\$ và lãi

Một cách góp trong 5 năm và đến cuối năm thứ 8 thì lấy tiền ra là 1000\$ và lãi



Ai sành chơi đèn thì
chỉ dùng đèn manchon

ASIATIC

và đèn đun **SVEA**

Vừa tiện vừa rẻ
có đèn đun nội
hóa. Bán, chữa các
thứ đèn, đèn pile.

Ở XA VIẾT THƯ VỀ
LẤY CATALOGUE Ở

Dang-van-Tan

— Lampiste —

ĐÃ GIỎN LẠI 29
Hàng Bóng Đèn Hanoi

THING - HƯNG

27, RUE DU COTON, HANOI
Bản-hiệu bán đủ các thứ nệm chần,
màn, màn gong, chần, gối và các thứ
ghế mây kiểu **thonet**.

Bàn sơn mài áo vân vân...

Kiểu đẹp hàng tốt giá rẻ

ARTICLE POUR LITERIE — CHAISES
GENRE THONET — TABLES ET
PORTE MANTEAUX EN BOIS ET EN
— ROTIN LAQUÉS —

Bản - Chí khái sự

Mua báo xin giả tiền trước. Nhưng ban đầu nhiều ngài có lòng yêu gửi mua Tạp-chí, tuy chưa gửi tiền giả, Bản-chí cũng đã vui lòng gửi báo hầu các ngài ngay. Vậy ngài nào chưa giả tiền, xin gửi mandat về cho.

TỨ-DÂN TẠP-CHÍ

Imp. Spéciale du TỪ DÂN TẠP-CHÍ

Le Gérant : TIẾT-NHƯ-NGỌC

BANQUE DE L'INDOCHINE

ĐÔNG PHÁP HỘI-LÝ NGÂN HÀNG

Được đặc quyền sáng lập ra từ năm 1875

Vốn Hội : Francs 72.000.000

Tổng cộng khoản dự bị ngân đến ngày 20 Décembre 1928 Francs 105.000.000.

HỘI ĐỒNG TRỊ SỰ

Chánh : M. Stanislas Simon, Chánh hội đồng trị sự công-ty Hỏa-xa Đông-dương Văn-nam.

Phó : M. Paul Boyer, Chánh hội Thương-cục Comptoir National d'Escompte de Paris.

Tổng quản lý M. René Thion de la Chaume, Nguyên thanh tra bộ Tài-chính.

Chủ nhiệm :

Nhà hội chính : 96, Boulevard Haussman. Paris (Ville)

CHI ĐIỂM Ở CÁC NƠI :

TRUNG HOA :

Canton Shanghai
Fort-Bayard. Tientsin
Hankéou Yunanfon
Hong-kong
Mongtzeu
Pékin

ĐÔNG-DƯƠNG :

Batambang Phnom-penh
Cantho Qui-nhon
Haiphong Saigon
Hanoi Thanhhoa
Huê Tourane
Nam dinh Vinh

CÁC NƠI KHÁC :

Bangkok
Djibouti
Nouméa
Papeete
Pondichéry
Singapore

Thư từ giao dịch khắp cả hoàn cầu

Nhận các việc về Ngân-Hàng, Change et Titres — Có tủ bạc cho thuê — Ai cần việc gì, viết thư hỏi, xin giả lời ngay.

Adresse Télégraphique (Diêm bưu tín điện Indochine)

Giấy nói : Hanoi số 497 — Haiphong số 26 — Namdinh số 90 — Vinh số 45 — Thanhhoa số 27

(mở cửa ngày thứ ba)

SOCIÉTÉ FRANÇAISE DES DISTILLERIES DE L'INDOCHINE

CÔNG TY NẤU RƯỢU ĐÔNG-PHÁP

Nhà máy

Hai-duong, Hanoi

= Nam-dinh =

Cholon - Binhtay

Các thứ rượu ta

— rượu mùi

— thấp đèn

Rượu Rhums-Tafias

== Râm ==

KAM TAI
 棧 茶 泰 金
 CHÍNH HIỆU CHÈ KIM THÁI

TRONG GÓI CHÈ
 CÓ ĐỒNG TIỀN
 VÀNG THƯỞNG



CHÈ MỚI ĐÀU XUÂN HIỆU

泰 KIM-THAI 金

HANOI PHỐ HÀNG NGANG SỐ 3

HAIPHONG PHỐ KHÁCH SỐ 140

CLICHÉ A.P.

Phạm nhìn thấy bức ảnh nào đẹp mà
 có giá trị thì thấy có chữ ký

Hương

<https://tieulun.hopto.org>